**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**HỒ SƠ YÊU CẦU CHÀO HÀNG CẠNH TRANH**

**Gói thầu BH: Bảo hiểm công trình trong thời gian xây dựng**

**Dự án: Mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1, đoạn qua thành phố Tân An, tỉnh Long An.**

***Phát hành:* ngày 15 tháng 6 năm 2018**

***Ban hành kèm theo Quyết định số:* 1171/QĐ-BGTVT ngày 06/6/2018 của Bộ GTVT**

***Chủ đầu tư:* BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

***Bên mời thầu:* BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN 7**

|  |  |
| --- | --- |
|  | *TP.HCM, ngày tháng 06 năm 2018*  **ĐẠI DIỆN BÊN MỜI THẦU**  **GIÁM ĐỐC**  **Nguyễn Chung Khánh** |

**MỤC LỤC**

|  |  |
| --- | --- |
| NỘI DUNG | Trang |
| Từ ngữ viết tắt | 3 |
| Thông báo mời chào hàng cạnh tranh | 4 |
| Phần thứ nhất. Thủ tục chào hàng cạnh tranh | 5 |
| Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu | 5 |
| Chương II. Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX | 14 |
| Chương III. Biểu mẫu chào hàng | 24 |
| Mẫu số 1. Đơn chào hàng | 24 |
| Mẫu số 2. Giấy ủy quyền | 26 |
| Mẫu số 3. Thỏa thuận liên danh | 27 |
| Mẫu số 4 (a). Bảo lãnh dự thầu *(áp dụng đối với nhà thầu độc lập)* | 30 |
| Mẫu số 4 (b). Bảo lãnh dự thầu *(áp dụng đối với nhà thầu liên danh)* | 32 |
| Mẫu số 5. Bảng tổng hợp giá chào hàng *(áp dụng đối với hợp đồng trọn gói)* | 34 |
| Mẫu số 6 (a). Bảng kê khai thông tin về nhà thầu | 35 |
| Mẫu số 6 (b). Bảng kê khai thông tin về thành viên của nhà thầu liên danh | 36 |
| Mẫu số 7. Lịch sử kiện tụng | 37 |
| Mẫu số 8. Hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ | 38 |
| Mẫu số 9. Tình hình tài chính trước đây của nhà thầu | 39 |
| Mẫu số 10. Doanh thu bình quân hàng năm | 41 |
| Mẫu số 11. Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện | 42 |
| Mẫu số 12. Bảng đề xuất nhân sự chủ chốt | 43 |
| Mẫu số 13. Lý lịch nhân sự chủ chốt | 44 |
| Mẫu số 14. Kê khai các vụ tổn thất điển hình mà nhà thầu đã giải quyết bồi thường | 46 |
| Mẫu số 15. Quy trình thực hiện giải quyết bồi thường | 47 |
| Mẫu số 16. Giải pháp và phương pháp luận tổng quát do nhà thầu đề xuất để thực hiện gói thầu bảo hiểm | 48 |
| Phần thứ hai. Yêu cầu về phạm vi bảo hiểm | 49 |
| Chương IV. Yêu cầu về phạm vi bảo hiểm | 49 |
| Phần thứ ba. Yêu cầu về hợp đồng | 79 |
| Chương V. Điều kiện chung của hợp đồng | 79 |
| Chương VI. Điều kiện cụ thể của hợp đồng | 85 |
| Chương VII. Biểu mẫu hợp đồng | 87 |
| Mẫu số 17. Thư chấp thuận HSĐX và trao hợp đồng | 88 |
| Mẫu số 18. Hợp đồng | 89 |
| Mẫu số 19: Bảo lãnh thực hiện hợp đồng | 93 |

**TỪ NGỮ VIẾT TẮT**

|  |  |
| --- | --- |
| Luật đấu thầu | Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Quốc hội |
| Nghị định 63/2014/NĐ-CP | Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu |
| CDNT | Chỉ dẫn nhà thầu |
| HSYC | Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh |
| HSĐX | Hồ sơ đề xuất |
| ĐKC | Điều kiện chung của hợp đồng |
| ĐKCT | Điều kiện cụ thể của hợp đồng |
| VND | Đồng Việt Nam |

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI  **BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN 7** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**  *Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 06 năm 2018* |

**THƯ MỜI CHÀO HÀNG CẠNH TRANH**

Kính gửi:Các nhà thầu bảo hiểm

Ban Quản lý dự án 7 chuẩn bị tổ chức chào hàng cạnh tranh theo Luật Đấu thầu liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản Gói thầu BH: Bảo hiểm công trình trong thời gian xây dựng - Dự án: Mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1, đoạn qua thành phố Tân An, tỉnh Long An. Ban Quản lý dự án 7 xin mời các nhà thầu bảo hiểm tới tham gia chào hàng cạnh tranh gói thầu nêu trên.

Nhà thầu sẽ được mua một bộ Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh với giá là 1.000.000đ (Một triệu đồng), tại Ban Quản lý dự án 7 – Số 63 Nguyễn Xí – Phường 26 – Quận Bình Thạnh –TP.HCM.

Thời gian bán Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh từ 8h30’, ngày 15 tháng 6 năm 2018 đến trước 14h00’, ngày 25 tháng 6 năm 2018 (trong giờ làm việc hành chính).

Hồ sơ đề xuất sẽ được mở công khai vào 14 giờ00’ (giờ Việt Nam), ngày 25 tháng 6 năm 2018, tại Ban Quản lý dự án 7 – Số 63 Nguyễn Xí – Phường 26 – Quận Bình Thạnh –TP.HCM.

Ban Quản lý dự án 7 kính mời đại diện các nhà thầu bảo hiểm tới tham dự lễ mở thầu vào thời gian và địa điểm nêu trên.

Mọi chi tiết xin liên hệ với Bên mời thầu theo địa chỉ Số 63 Nguyễn Xí – Phường 26 – Quận Bình Thạnh –TP.HCM, số điện thoại: 0283.4080.929; số fax: 0283.8040.930 và địa chỉ email: [ketoanban7@gmail.com](mailto:ketoanban7@gmail.com).

|  |  |
| --- | --- |
|  | **GIÁM ĐỐC**  **Nguyễn Chung Khánh** |

**Phần thứ nhất: THỦ TỤC CHÀO HÀNG CẠNH TRANH**

**Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU**

**Mục 1. Phạm vi gói thầu**

1. Bên mời thầu Ban Quản lý dự án 7 mời nhà thầu tham gia chào hàng cạnh tranh gói thầu được mô tả tại Chương IV – Yêu cầu về phạm vi bảo hiểm.

- Tên gói thầu: Gói thầu BH: Bảo hiểm công trình trong thời gian xây dựng thuộc Dự án Mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1 đoạn qua Thành phố Tân An, tỉnh Long An.

2. Nguồn vốn (hoặc phương thức thu xếp vốn) để thực hiện gói thầu: Vốn Trái phiếu chính phủ

3. Loại hợp đồng: trọn gói.

4. Thời gian thực hiện hợp đồng: Theo tiến độ gói thầu xây lắp + Thời gian bảo hành công trình (24 tháng)

**Mục 2. Hành vi bị cấm trong đấu thầu**

Hành vi bị cấm trong đấu thầu là hành vi quy định tại Điều 89 Luật đấu thầu.

**Mục 3. Tư cách hợp lệ của nhà thầu**

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;

2. Hạch toán tài chính độc lập;

3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;

4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

5. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại Điều 6 Luật đấu thầu và Điều 2 Nghị định 63/2014/NĐ-CP.

6. Đã đăng ký trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

**Mục 4. Làm rõ, sửa đổi HSYC**

1. Làm rõ HSYC

Trong trường hợp cần làm rõ HSYC, nhà thầu phải gửi văn bản đề nghị làm rõ đến bên mời thầu muộn nhất *trước ngày có thời điểm đóng thầu 03 ngày làm việc*. Khi nhận được đề nghị làm rõ HSYC của nhà thầu, bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu có yêu cầu làm rõ và tất cả các nhà thầu khác đã mua hoặc nhận HSYC từ bên mời thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi HSYC thì bên mời thầu tiến hành sửa đổi HSYC theo thủ tục quy định tại Khoản 2 Mục này.

2. Sửa đổi HSYC

Trường hợp sửa đổi HSYC, bên mời thầu sẽ gửi quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi đến tất cả các nhà thầu đã nhận HSYC không muộn hơn *tối thiểu là 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu, trường hợp không đủ 03 ngày làm việc thì bên mời thầu phải gia hạn thời điểm đóng thầu tương ứng.*

Nhằm giúp nhà thầu có đủ thời gian để sửa đổi HSĐX, bên mời thầu có thể gia hạn thời điểm đóng thầu quy định tại khoản 1 Mục 11 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu bằng việc sửa đổi HSYC.

**Mục 5. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ trong chào hàng**

1. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự chào hàng.

2. Đồng tiền tham dự chào hàng và đồng tiền thanh toán là VND.

3. HSĐX cũng như tất cả văn bản và các tài liệu liên quan đến HSĐX được trao đổi giữa bên mời thầu và nhà thầu phải được viết bằng tiếng Việt*.* Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSĐX có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung.

**Mục 6. Thành phần của HSĐX**

HSĐX do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III – Biểu mẫu;

2. Thỏa thuận liên danh nếu là nhà thầu liên danh theo Mẫu số 03 – Biểu mẫu;

3. Bảo lãnh dự thầu theo Mẫu số 04a hoặc Mẫu số 04b Chương III – Biểu mẫu;

4. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn chào hàng, của nhà thầu và tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu;

### 5. Bảng tổng hợp giá chào theo Mẫu số 05 Chương III – Biểu mẫu;

6. Các nội dung khác: có các tài liệu chứng minh

-  Các hợp đồng là bản gốc hoặc bản chụp được công chứng hoặc chứng thực.

- Các hợp đồng kèm theo các tài liệu chứng minh như: Xác nhận của chủ đầu tư hoặc thanh lý hợp đồng phải là bản gốc hoặc bản chụp được công chứng hoặc chứng thực.

- Báo cáo tài chính 03 năm gần nhất (2015, 2016, 2017) phải được kiểm toán, trong đó phải nêu rõ vốn điều lệ, quỹ dự phòng nghiệp vụ.

**Mục 7. Giá chào và giảm giá**

1. Giá chào ghi trong đơn chào hàng bao gồm toàn bộ chi phí để thực hiện gói thầu (chưa tính giảm giá) theo yêu cầu của HSYC.

2. Nhà thầu phải nộp HSĐX cho toàn bộ công việc nêu tại Mục 1 Chương này và ghi đơn giá, thành tiền cho tất cả các công việc nêu trong các bảng giá tương ứng quy định tại Chương III - Biểu mẫu.

Trường hợp tại cột “đơn giá ” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong HSYC với đúng giá đã chào.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng hoặc đề xuất riêng trong thư giảm giá. Trường hợp giảm giá, nhà thầu phải nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục. Trường hợp có thư giảm giá thì thư giảm giá có thể để cùng trong HSĐX hoặc nộp riêng song phải bảo đảm bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu. Thư giảm giá sẽ được bên mời thầu bảo quản như một phần của HSĐX và được mở đồng thời cùng HSĐX của nhà thầu; trường hợp thư giảm giá không được mở cùng HSĐX và không được ghi vào biên bản mở thầu thì không có giá trị.

4. Giá chào của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì HSĐX của nhà thầu sẽ bị loại.

**Mục 8. Thời gian có hiệu lực của HSĐX**

1. Thời gian có hiệu lực của HSĐX là 120 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu*.* HSĐX nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá.

2. Trong trường hợp cần thiết trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSĐX, bên mời thầu có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSĐX đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Việc gia hạn, chấp nhận hoặc không chấp nhận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn thì HSĐX của nhà thầu này không được xem xét tiếp và trong trường hợp này nhà thầu được nhận lại bảo đảm dự thầu. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSĐX.

**Mục 9. Bảo đảm dự thầu**

1. Nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo một trong các hình thức: đặt cọc hoặc thư bảo lãnh do tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành. Trường hợp sử dụng thư bảo lãnh thì phải áp dụng theo Mẫu thư bảo lãnh dành cho nhà thầu độc lập hoặc Mẫu thư bảo lãnh dành cho nhà thầu liên danh theo quy định tại HSYC này hoặc một Mẫu thư bảo lãnh khác nhưng phải bao gồm đầy đủ nội dung cơ bản của bảo lãnh dự thầu.

2. Nội dung và hiệu lực của bảo đảm dự thầu

a) Giá trị và đồng tiền bảo đảm dự thầu: 20 triệu đồng

b) Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: 150 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

3. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Khoản 2 Mục này, không đúng tên bên mời thầu (đơn vị thụ hưởng), không phải là bản gốc và không có chữ ký hợp lệ hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho bên mời thầu.

4. Việc tịch thu, hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu thực hiện theo quy định nêu tại khoản 8 Điều 11 Luật đấu thầu và khoản 1 Điều 19 Nghị định 63/CP.

**Mục 10. Quy cách HSĐX**

1. Nhà thầu phải chuẩn bị 01 bản gốc cùng 03 bản chụpHSĐX đồng thời ghi bên ngoài hồ sơ và túi đựng tương ứng là “BẢN GỐC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT”.

Trường hợp sửa đổi, thay thế HSĐX thì nhà thầu phải chuẩn bị 01 bản gốc và các bản chụp hồ sơ sửa đổi, thay thế với số lượng bằng số lượng bản chụp HSĐX đã nộp. Trên trang bìa của các hồ sơ và túi đựng tương ứng phải ghi rõ “BẢN GỐC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI”, “BẢN GỐC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT THAY THẾ”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT THAY THẾ”.

2. Túi đựng HSĐX, HSĐX sửa đổi, HSĐX thay thế của nhà thầu phải được niêm phong và ghi rõ tên gói thầu, tên nhà thầu, tên bên mời thầu. Bên mời thầu có trách nhiệm bảo mật thông tin trong HSĐX của nhà thầu.

3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì HSĐX của nhà thầu bị loại.

4. Tất cả các thành phần của HSĐX nêu tại Mục 6 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu phải được ký bởi người đại diện hợp pháp của nhà thầu và kèm theo Giấy ủy quyền hợp lệ (nếu ủy quyền) theo quy định tại Chương III – Biểu mẫu.

5. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn chào hàng.

**Mục 11. Nộp, rút, thay thế và sửa đổi HSĐX**

1. Nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi HSĐX theo đường bưu điện đến địa chỉ của bên mời thầu nhưng phải đảm bảo bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu là 14giờ 00 ngày 25 tháng 6 năm 2018

2. Bên mời thầu sẽ tiếp nhận HSĐX của tất cả nhà thầu nộp HSĐX trước thời điểm đóng thầu, kể cả trường hợp nhà thầu chưa mua hoặc chưa nhận HSYC trực tiếp từ bên mời thầu. Trường hợp chưa mua HSYC thì nhà thầu phải trả cho bên mời thầu một khoản tiền bằng giá bán HSYC khi HSĐX được tiếp nhận. Trường hợp nhà thầu nộp HSĐX sau thời điểm đóng thầu thì HSĐX bị loại và được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu.

3. Sau khi nộp, nhà thầu có thể rút lại HSĐX bằng cách gửi văn bản thông báo có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu đến bên mời thầu trước thời điểm đóng thầu.

Trước thời điểm đóng thầu, nếu cần sửa đổi hoặc thay thế HSĐX thì nhà thầu nộp HSĐX thay thế hoặc HSĐX sửa đổi cho bên mời thầu với cách ghi thông tin nêu tại khoản 1, khoản 2 Mục 10 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu.

**Mục 12. Mở thầu**

1. Bên mời thầu tiến hành mở công khai HSĐX của các nhà thầu vào lúc 14giờ 00 ngày 25 tháng 6 năm 2018 tại Ban Quản lý dự án 7trước sự chứng kiến của các nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Việc mở thầu không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện nhà thầu tham dự chào hàng.

2. Việc mở thầu được thực hiện đối với từng HSĐX theo thứ tự chữ cái tên của nhà thầu và theo trình tự sau đây:

a) Kiểm tra niêm phong;

b) Mở bản gốc HSĐX và đọc to, rõ tối thiểu những thông tin sau: tên nhà thầu, bản gốc, số lượng bản chụp, giá chào ghi trong đơn và bảng tổng hợp giá chào, giá trị giảm giá (nếu có), thời gian có hiệu lực của HSĐX, thời gian thực hiện hợp đồng, giá trị của bảo đảm dự thầu, thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu và các thông tin khác mà bên mời thầu thấy cần thiết. Chỉ những thông tin về giảm giá được đọc trong lễ mở thầu mới được tiếp tục xem xét và đánh giá;

c) Đại diện của bên mời thầu phải ký xác nhận vào bản gốc đơn chào hàng, giấy ủy quyền, bảo đảm dự thầu, bảng tổng hợp giá chào, thư giảm giá (nếu có). Bên mời thầu không được loại bỏ bất kỳ HSĐX nào khi mở thầu, trừ các HSĐX nộp sau thời điểm đóng thầu.

3. Bên mời thầu phải lập biên bản mở thầu trong đó bao gồm các thông tin quy định tại khoản 2 Mục này. Biên bản mở thầu phải được ký xác nhận bởi đại diện của bên mời thầu và các nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Việc thiếu chữ ký của nhà thầu trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở thầu sẽ được gửi cho tất cả các nhà thầu tham dự thầu.

**Mục 13. Làm rõ HSĐX**

1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSĐX theo yêu cầu của bên mời thầu, bên mời thầu sẽ có văn bản yêu cầu nhà thầu làm rõ HSĐX của nhà thầu.

2. Nhà thầu được tự gửi tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của mình đến bên mời thầu trước ngày *đóng thầu và phù hợp với tiến độ đánh giá HSĐX*. Bên mời thầu có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà thầu để xem xét, đánh giá; các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của HSĐX.

3. Việc làm rõ phải bảo đảm không làm thay đổi bản chất của nhà thầu, không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSĐX đã nộp và không thay đổi giá chào.

**Mục 14. Nhà thầu phụ:** Không áp dụng

**Mục 15. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu**

1. Nội dung ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu được thực hiện như sau:

a) Đối tượng được hưởng ưu đãi là nhà thầu có tổng số lao động là nữ giới hoặc thương binh, người khuyết tật chiếm tỷ lệ từ 25% trở lên và có thời gian sử dụng lao động tối thiểu bằng thời gian thực hiện gói thầu nhưng phải tồn tại trong thời gian thực hiện gói thầu; nhà thầu là doanh nghiệp nhỏ.

b) Cách tính ưu đãi: nhà thầu thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi được xếp hạng cao hơn HSĐX của nhà thầu không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi trong trường hợp HSĐX của các nhà thầu được đánh giá ngang nhau. Trường hợp sau khi ưu đãi nếu các HSĐX xếp hạng ngang nhau thì ưu tiên xếp hạng cao hơn cho nhà thầu ở địa phương nơi triển khai gói thầu.

2. Nhà thầu phải nộp các giấy tờ, tài liệu chứng minh nếu dịch vụ của nhà thầu thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi.

**Mục 16. Đánh giá HSĐX và thương thảo hợp đồng**

1. Việc đánh giá HSĐX được thực hiện theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX. Nhà thầu có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi thấp nhất được xếp hạng thứ nhất và được mời vào thương thảo hợp đồng.

2. Việc thương thảo hợp đồng dựa trên các tài liệu sau: báo cáo đánh giá HSĐX, HSĐX và các tài liệu làm rõ HSĐX (nếu có) của nhà thầu; HSYC.

3. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng như sau:

a) Không tiến hành thương thảo đối với các nội dung nhà thầu đã chào theo đúng yêu cầu nêu trong HSYC;

b) Trong quá trình đánh giá HSĐX và thương thảo hợp đồng, nếu phát hiện hạng mục công việc, khối lượng mời thầu nêu trong Bảng tổng hợp giá chào thiếu so với hồ sơ yêu cầu thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu bổ sung khối lượng công việc thiếu đó trên cơ sở đơn giá đã chào; trường hợp trong HSĐX chưa có đơn giá thì bên mời thầu báo cáo chủ đầu tư xem xét, quyết định việc áp đơn giá nêu trong dự toán đã phê duyệt đối với khối lượng công việc thiếu so với hồ sơ yêu cầu hoặc đơn giá của nhà thầu khác đã vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật nếu đơn giá này thấp hơn đơn giá đã phê duyệt trong dự toán gói thầu;

c) Khi thương thảo hợp đồng đối với phần sai lệch thiếu, trường hợp trong HSĐX của nhà thầu không có đơn giá tương ứng với phần sai lệch thì phải lấy mức đơn giá dự thầu thấp nhất trong số các HSĐX của nhà thầu khác đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật hoặc lấy mức đơn giá trong dự toán được duyệt nếu chỉ có duy nhất nhà thầu này vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở thương thảo đối với sai lệch thiếu đó.

4. Nội dung thương thảo hợp đồng:

a) Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa HSYC và HSĐX, giữa các nội dung khác nhau trong HSĐX có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;

b) Thương thảo về các sai lệch do nhà thầu phát hiện và đề xuất trong HSĐX (nếu có);

c) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;

d) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

5. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng và phụ lục hợp đồng. Trường hợp thương thảo không thành công, chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo.

**Mục 17. Điều kiện xét duyệt trúng thầu**

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có HSĐX hợp lệ;

2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 2 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX;

3. Các nội dung về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 3 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX;

4. Có sai lệch thiếu không quá 10% giá chào;

5. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất;

6. Có giá đề nghị trúng thầu không vượt dự toán gói thầu được phê duyệt.

**Mục 18. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu**

1. Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự chào hàng theo đường bưu điện, fax và đăng tải kết quả lựa chọn nhà thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc Báo đấu thầu theo quy định.

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu nhà thầu không được lựa chọn có văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong thời gian tối đa 05 ngày làm việc nhưng phải trước ngày ký hợp đồng, bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.

**Mục 19. Điều kiện ký kết hợp đồng**

1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, HSĐX của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.

2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm vẫn đáp ứng yêu cầu về năng lực để thực hiện gói thầu. Trường hợp cần thiết, chủ đầu tư tiến hành xác minh thông tin về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX. Kết quả xác minh khẳng định là nhà thầu vẫn đáp ứng năng lực để thực hiện gói thầu thì mới tiến hành ký kết hợp đồng. Nếu kết quả xác minh cho thấy tại thời điểm xác minh, thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm quy định trong HSYC thì nhà thầu sẽ bị từ chối ký kết hợp đồng. Khi đó, chủ đầu tư sẽ hủy quyết định trúng thầu trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng.

3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.

**Mục 20. Thay đổi khối lượng dịch vụ:** Không áp dụng

**Mục 21. Bảo đảm thực hiện hợp đồng:**

1. Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải cung cấp một bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và nội dung theo quy định tại Mục 6.1 - ĐKCT. Thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng thì phải lập theo Mẫu số 19 Chương VII hoặc một mẫu khác được chủ đầu tư chấp thuận.

2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;

b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;

c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

**Mục 22. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu**

1. Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định tại Điều 91 và Điều 92 của Luật đấu thầu và Mục 2 Chương XII của Nghị định 63/CP.

2. Địa chỉ nhận đơn kiến nghị:

a) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của chủ đầu tư: Bộ Giao thông vận tải – 80 Trần Hưng Đạo – Hà Nội.

- Điện thoại: 024 38224464 Fax: 024 38221066

b) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của người có thẩm quyền: Bộ Giao thông vận tải – 80 Trần Hưng Đạo – Hà Nội.

- Điện thoại: 024 38224464 Fax: 024 38221066

c) Địa chỉ bộ phận thường trực giúp việc của Hội đồng tư vấn: Bộ Giao thông vận tải – 80 Trần Hưng Đạo – Hà Nội.

- Điện thoại: 024 38224464 Fax: 024 38221066

**Mục 23. Theo dõi, giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu**

Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của pháp luật đấu thầu, nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo dõi, giám sát theo địa chỉ sau:

Bộ Giao thông vận tải – 80 Trần Hưng Đạo – Hà Nội.

- Điện thoại: 024 38224464 Fax: 024 38221066

**Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSĐX**

**Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSĐX**

**1.1. Kiểm tra HSĐX**

a) Kiểm tra số lượng bản chụp HSĐX;

b) Kiểm tra các thành phần của HSĐX theo yêu cầu tại Mục 6 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu;

c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSĐX.

**1.2. Tiêu chí đánh giá tính hợp lệ của HSĐX**

HSĐX của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

a) Có bản gốc HSĐX;

b) Có đơn chào hàng được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSYC. Đối với nhà thầu liên danh, đơn chào hàng phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn chào hàng theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh;

c) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải đáp ứng yêu cầu nêu trong HSYC;

d) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với bảng tổng hợp giá chào, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư, bên mời thầu;

đ) Thời gian có hiệu lực của HSĐX đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 8 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu;

e) Có bảo đảm dự thầu đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 9 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu;

g) Không có tên trong hai hoặc nhiều HSĐX với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh);

h) Có thỏa thuận liên danh với đầy đủ thông tin theo Mẫu số 03 Chương III – Biểu mẫu;

i) Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu.

Nhà thầu có HSĐX hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực, kinh nghiệm.

**Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm**

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà Bên mời thầu tham khảo tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm quy định tại mẫu hồ sơ mời thầu phi tư vấn ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BKHĐT ngày 29/9/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết lập mẫu hồ sơ mời thầu phi tư vấn để quy định cho phù hợp, tránh đưa các điều kiện nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng.

Nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Mục này. Nhà thầu không đạt yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm thì HSĐX sẽ bị loại và không được xem xét đánh giá các nội dung tiếp theo.

Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm được thực hiện theo Bảng tiêu chuẩn dưới đây:

**BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM**

| **Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm** | | | **Các yêu cầu cần tuân thủ** | | | | **Tài liệu cần nộp** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mô tả** | **Yêu cầu** | **Nhà thầu độc lập** | **Nhà thầu liên danh** | | |
| **Tổng các thành viên liên danh** | **Từng thành viên liên danh** | **Tối thiểu một thành viên liên danh** |
| **1** | **Lịch sử không hoàn thành hợp đồng** | Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng không hoàn thành.  *\* Ghi chú: Hợp đồng không hoàn thành bao gồm:*  *- Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;*  *- Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu*. | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Không áp dụng | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Không áp dụng | Mẫu số 08 |
| **2** | **Năng lực tài chính** | | | | | | |
| **2.1** | **Doanh thu bảo hiểm (trừ bảo hiểm nhân thọ)** | Doanh thu bình quân hàng năm từ hoạt động bảo hiểm (trừ bảo hiểm nhân thọ) tối thiểu là 2,9 tỷ đồng tính từ ngày 01/01/2015 trong vòng 3 năm trở lại đây (năm 2015, 2016, 2017).  Doanh thu hàng năm được tính bằng tổng các khoản thanh toán cho các hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo hiểm (trừ bảo hiểm nhân thọ) mà nhà thầu nhận được trong năm đó. | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Phải thỏa mãn yêu cầu ≥ 2,9 tỷ đồng \* tỷ lệ % tham gia liên danh | Không áp dụng | Mẫu số 10 |
| **2.2** | **Nguồn vốn chủ sở hữu của Nhà thầu** | Nguồn vốn chủ sở hữu của Nhà thầu tính đến thời điểm 31/12/2017 tối thiểu đạt 300 tỷ đồng (theo quy định Điều 10-Nghị định 73/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016) | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Không áp dụng | Báo cáo Tài chính được kiểm toán |
| **2.3** | **Tổng lợi nhuận sau thuế hoạt động kinh doanh bảo hiểm** | Tổng lợi nhuận sau thuế từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm 03 năm (2015, 2016, 2017) và riêng năm 2017 phải >0 | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Không áp dụng | Báo cáo Tài chính được kiểm toán |
| **2.4** | **Quỹ dự phòng nghiệp vụ** | Quỹ dự phòng nghiệp vụ tại thời điểm 31/12/2017 tối thiểu đạt 307 tỷ đồng | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Phải thỏa mãn yêu cầu ≥ 307 tỷ đồng \* tỷ lệ % tham gia theo thỏa thuận liên danh | Không áp dụng | Báo cáo Tài chính được kiểm toán |
| **3** | **Kinh nghiệm cụ thể trong thực hiện hợp đồng tương tự** | Trong khoảng thời gian 05 năm kể từ ngày 01/01/2013 đến thời điểm đóng thầu: Nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) tối thiểu 02 hợp đồng bảo hiểm công trình giao thông, trong đó có tối thiểu 01 hợp đồng đã hoàn thành có giá trị công trình bảo hiểm **≥ 215 tỷ đồng**. (Giá trị công trình được bảo hiểm tính theo giá đã bao gồm VAT, chưa gồm dự phòng). | Phải thỏa mãn yêu cầu này với tư cách là nhà thầu chính | Phải thỏa mãn như đối với nhà thầu độc lập | Từng thành viên có tối thiểu 01 hợp đồng bảo hiểm công trình giao thông đã hoàn thành với giá trị công trình bảo hiểm **≥ 215 tỷ đồng nhân với** tỷ lệ tham gia theo thỏa thuận liên danh | Không áp dụng | Mẫu số 11 |
| **4** | **Mức miễn thường tối đa (Không khấu trừ)** | - Đối với rủi ro thiên tai: 50.000.000 đồng/vụ tổn thất.  - Đối với rủi ro khác: 10.000.000 đồng/vụ tổn thất.  - Đối với trách nhiệm bên thứ ba: 20.000.000 đồng/vụ tổn thất.  - Mức giới hạn trách nhiệm đối với bên thứ ba tối thiểu là 30 tỷ đồng/mỗi và mọi vụ tổn thất và không giới hạn số vụ trong toàn bộ thời hạn bảo hiểm. | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Không áp dụng | Không áp dụng | Được nêu trong Biểu giá dự thầu |
| **5** | **Kinh nghiệm giải quyết bồi thường trong 05 năm gần đây (từ năm 2013 đến nay):** | *Tối thiểu 01 vụ việc* giải quyết bồi thường trong lĩnh vực bảo hiểm xây dựng công trình | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Không áp dụng | Mẫu số 14 |

Ghi chú:

*(1) Với các hợp đồng mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.*

*(2) Các hợp đồng là bản gốc hoặc bản chụp được công chứng hoặc chứng thực.*

*(3) Các hợp đồng kèm theo các tài liệu chứng minh như: Xác nhận của chủ đầu tư hoặc thanh lý hợp đồng phải là bản gốc hoặc bản chụp được công chứng hoặc chứng thực.*

*(4)* *Báo cáo tài chính 03 năm gần nhất (2015, 2016, 2017) phải được kiểm toán, trong đó phải nêu rõ vốn điều lệ, quỹ dự phòng nghiệp vụ.*

**Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật**

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật. Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên yêu cầu được nêu tại Mục 2 Chương IV - Yêu cầu về phạm vi bảo hiểm:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung yêu cầu** | **Mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đáp ứng (Đạt)** |
| 1. | **Bộ máy tổ chức và nhân sự thực hiện** |  |
| 1.1 | Tổng giám đốc (Giám đốc) hoặc người đại diện trước pháp luật của nhà thầu. | + Đáp ứng các tiêu chuẩn chung quy định tại Điều 28 Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.  + Có bằng đại học hoặc trên đại học.  + Có bằng cấp hoặc chứng chỉ đào tạo về bảo hiểm do các cơ sở đào tạo về bảo hiểm được thành lập và hoạt động hợp pháp trong và ngoài nước cấp.  + Có tối thiểu 05 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng, trong đó có tối thiểu 03 năm giữ vị trí là người quản trị, điều hành theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ tại doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm hoặc trực tiếp làm công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo hiểm.  + Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm. |
| 1.2 | Quản lý chung, điều hành thực hiện hợp đồng. | + Đáp ứng các tiêu chuẩn chung quy định tại Điều 29 Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.  + Có bằng đại học hoặc trên đại học.  + Có bằng cấp hoặc chứng chỉ đào tạo về bảo hiểm do các cơ sở đào tạo được thành lập và hoạt động hợp pháp trong và ngoài nước cấp.  + Có tối thiểu 03 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng.  - Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm. |
| 1.3 | Đội ngũ chuyên viên, giám định bồi thường, tái bảo hiểm (tối thiểu 03 người): | + Đáp ứng các tiêu chuẩn chung quy định tại Điều 26 Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.  + Có bằng đại học hoặc trên đại học.  + Có bằng cấp hoặc chứng chỉ đào tạo về bảo hiểm do các cơ sở đào tạo được thành lập hoặc hoạt động hợp pháp trong và ngoài nước cấp.  + Có kinh nghiệm làm việc ít nhất 05 năm trong lĩnh vực bảo hiểm.  + Có kinh nghiệm bảo hiểm ít nhất 01 công trình giao thông.  - Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.  - Tối thiểu 02 người có bằng đại học là kỹ sư xây dựng, giao thông hoặc chuyên ngành phù hợp với dự án. |
| **2** | **Bản chào phí và chương trình tái bảo hiểm:** | |
| 2.1 | Thời hạn bảo hiểm | Thời hạn bảo hiểm theo tiến độ gói thầu xây lắp + Thời gian bảo hành công trình. |
| 2.2 | Bản chào phí của nhà thầu | Nhà thầu phải có bản chào phí đáp ứng đầy đủ các điều kiện bảo hiểm, phạm vi bảo hiểm như yêu cầu tại **Phần thứ hai** của HSYC. |
| 2.3 | Tỷ lệ phí bảo hiểm và tổng phí bảo hiểm được nhà thầu chào | Nhà thầu phải đưa ra tỷ lệ phí bảo hiểm cố định và tổng phí bảo hiểm. Phí bảo hiểm này đã bao gồm toàn bộ phần phí cơ bản, phần phụ phí của các điều khoản sửa đổi bổ sung và các chi phí liên quan khác. Tỷ lệ phí bảo hiểm và tổng phí bảo hiểm phải phù hợp với phạm vi bảo hiểm và phải phù hợp với các quy định của Pháp luật Việt Nam. |
| 2.4 | Chương trình tái bảo hiểm dự kiến và mức giữ lại của nhà thầu | - Nhà thầu phải thu xếp được 100% rủi ro của dự án được bảo hiểm bao gồm cả phần giữ lại:  + Mức trách nhiệm giữ lại tối đa (là 10% vốn chủ sở hữu) được quy định tại Điều 42 Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.  - Nhà thầu phải đệ trình chương trình thu xếp tái bảo hiểm và tên các nhà tái bảo hiểm dự kiến cho gói thầu, tỷ lệ % nhận tái bảo hiểm của từng nhà tái bảo hiểm đó.  - Doanh nghiệp nhận tái bảo hiểm nước ngoài: Doanh nghiệp đứng đầu nhận tái bảo hiểm và doanh nghiệp nhận tái bảo hiểm từ 10% tổng mức trách nhiệm của mỗi hợp đồng tái bảo hiểm phải được xếp hạng tối thiểu “BBB” theo Standard & Poor’s hoặc Fitch, “B++” theo A.M.Best, “Baa1” theo Moody’s hoặc các kết quả xếp hạng tương đương của các tổ chức có chức năng, kinh nghiệm xếp hạng khác tại năm tài chính gần nhất so với thời điểm giao kết hợp đồng tái bảo hiểm. |
| 2.5 | Mức giới hạn trách nhiệm của các điều khoản bổ sung được nhà thầu chào | Không thấp hơn mức yêu cầu tại **Phần thứ hai** của HSYC. |
| 2.6 | Nhà thầu chào mức miễn thường  ( không khấu trừ) | Không cao hơn mức yêu cầu tại **Phần thứ hai** của HSYC. |
| **3** | **Quy trình tổ chức thực hiện bảo hiểm cho dự án:** | |
| 3.1 | Đưa ra sơ đồ quan hệ để thực hiện bảo hiểm giữa các bên liên quan: Người được bảo hiểm – Công ty bảo hiểm – Công ty giám định độc lập – Công ty tái bảo hiểm đứng đầu. | Có |
| 3.2 | Hướng dẫn phương thức, thủ tục, thời hạn giải quyết bồi thường khi có tổn thất xảy ra, thời gian tổ chức hướng dẫn thực hiện hợp đồng bảo hiểm. | Có |
| 3.3 | Đưa ra các khuyến cáo cho người được bảo hiểm về những việc “nên làm” và “không nên làm” khi có tổn thất xảy ra. | Có |
| 3.4 | Phải gửi kèm các biểu mẫu liên quan đến quá trình giải quyết bồi thường (thông báo tổn thất, thông báo bồi thường, thông báo chấp nhận bồi thường, …). | Có |
| 3.5 | Nêu rõ vai trò cụ thể của từng bên trong Quy trình tổ chức thực hiện bảo hiểm cho dự án và cam kết thực hiện theo đúng quy trình đã nêu; | Có |
| 3.6 | Đề xuất ít nhất 03 nhà giám định độc lập và thông tin giới thiệu về các nhà giám định được đề xuất. | Có |

# *Ghi chú: Yêu cầu nhà thầu cung cấp các tài liệu chứng minh bằng bản sao được chứng thực.*

# HSĐX của nhà thầu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật được chuyển qua bước đánh giá về mặt tài chính để xác định giá đánh giá khi đáp ứng 100% yêu cầu tối thiểu nêu trên.

**Mục 4. Xác định giá chào**

Cách xác định giá chào thấp nhất theo các bước sau:

Bước 1: Xác định giá chào;

Bước 2: Sửa lỗi thực hiện theo quy định tại ghi chú (1);

Bước 3: Hiệu chỉnh sai lệch thực hiện theo quy định tại ghi chú (2);

Bước 4: Xác định giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 5: Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 15 Chương I - Chỉ dẫn nhà thầu;

Bước 6: Xếp hạng nhà thầu. HSĐX có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) và cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá chào. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong HSYC và được thanh toán theo đúng giá đã chào.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSYC thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong HSYC;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi bên mời thầu cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá nhà thầu chào rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá sẽ được sửa lại;

### - Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

### - Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá tương ứng trong HSĐX của nhà thầu có sai lệch;

Trường hợp một hạng mục trong HSĐX của nhà thầu có sai lệch không có đơn giá thì lấy mức đơn giá cao nhất đối với hạng mục này trong số các HSĐX của nhà thầu khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong HSĐX của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá của hạng mục này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá tương ứng trong HSĐX của nhà thầu này; trường hợp HSĐX của nhà thầu không có đơn giá tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá chào chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá chào ghi trong đơn chào hàng.

**Chương III. BIỂU MẪU DỰ THẦU**

**Mẫu số 01**

**ĐƠN CHÀO HÀNG(1)**

Ngày:\_\_\_\_ *[Điền ngày tháng năm ký đơn chào hàng]*

Tên gói thầu: \_\_\_\_\_\_\_ *[Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào hàng]*

Tên dự án: \_\_\_\_\_\_\_ *[Ghi tên dự án]*

Kính gửi: *[Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời thầu]*

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu và văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu số\_\_\_*[Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có]* mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi,\_\_\_\_ *[Ghi tên nhà thầu],* có địa chỉ tại *\_\_\_\_[Ghi địa chỉ của nhà thầu]* cam kết thực hiện gói thầu \_\_\_\_*[Ghi tên gói thầu]* theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là \_\_\_\_*[Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền]*(2) cùng với biểu giá kèm theo.

Thời gian thực hiện hợp đồng là \_\_\_\_ *[Ghi thời gian để thực hiện xong tất cả nội dung công việc theo yêu cầu của gói thầu](3).*

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một hồ sơ đề xuất này với tư cách là nhà thầu chính.

2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.

4. Không thực hiện hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

5. Những thông tin kê khai trong hồ sơ đề xuất là trung thực.

Nếu hồ sơ đề xuất của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của hồ sơ yêu cầu.

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian \_\_\_\_ ngày(4), kể từ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (5)*.*

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu(6)**

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Nhà thầu lưu ý điền đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của bên mời thầu, nhà thầu, thời gian có hiệu lực của hồ sơ đề xuất, được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có).

(2) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá chào hàng ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư.

(3) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật và yêu cầu về tiến độ nêu tại Mục 2 Chương IV – Yêu cầu về bảo hiểm.

(4) Ghi số ngày có hiệu lực theo đúng yêu cầu của HSYC.

(5) Ghi ngày đóng thầu theo quy định của HSYC.

(6) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này). Trường hợp nhà thầu là liên danh thì phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, trừ hợp trong văn bản thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương này có quy định các thành viên trong liên danh thỏa thuận cho thành viên đứng đầu liên danh ký đơn chào hàng. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì thực hiện như đối với nhà thầu độc lập. Nếu nhà thầu trúng thầu, trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu phải trình chủ đầu tư bản chụp được chứng thực các văn bản này.

**Mẫu số 02**

**GIẤY ỦY QUYỀN** (1)

Hôm nay, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_, tại \_\_\_\_

Tôi là \_ *[Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu],* làngười đại diện theo pháp luật của \_ *[Ghi tên nhà thầu]* có địa chỉ tại \_ *[Ghi địa chỉ của nhà thầu]* bằng văn bản này ủy quyền cho \_ *[Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền]* thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia dự thầu gói thầu \_ *[Ghi tên gói thầu]* thuộc dự án\_ *[Ghi tên dự án]* do \_ *[Ghi tên bên mời thầu]* tổ chức:

*[*- *Ký đơn chào hàng;*

*- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ yêu cầu và văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ đề xuất;*

*- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;*

*- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;*

*- Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu được lựa chọn.]* (2)

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của \_\_\_\_ *[Ghi tên nhà thầu]*. \_\_\_\_ *[Ghi tên nhà thầu]* chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do \_\_\_\_ *[Ghi tên người được ủy quyền]* thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày \_\_\_\_ đến ngày \_\_\_\_(3). Giấy ủy quyền này được lập thành \_\_\_\_ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản, người được ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản.

|  |  |
| --- | --- |
| **Người được ủy quyền**  *[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]* | **Người ủy quyền**  *[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]* |

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời thầu cùng với đơn chào hàng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh.

**Mẫu số 03**

THỎA THUẬN LIÊN DANH(1)

, ngày tháng năm

Gói thầu: *[Ghi tên gói thầu]*

Thuộc dự án: *[Ghi tên dự án]*

Căn cứ(2) *[Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội; Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ];*

Căn cứhồ sơ yêu cầu gói thầu \_\_\_\_\_\_\_ *[Ghi tên gói thầu]* phát hành ngày\_\_\_*[ghi ngày được ghi trên HSYC];*

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

**Tên thành viên liên danh** \_\_\_\_ *[Ghi tên từng thành viên liên danh]*

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại, số fax

E-mail:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Giấy ủy quyền số ngày tháng \_\_\_\_\_\_năm \_\_\_\_\_ *(trường hợp được ủy quyền)*.

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

**Điều 1. Nguyên tắc chung**

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầugói thầu\_\_\_*[Ghi tên gói thầu]* thuộc dự án \_\_\_\_ *[Ghi tên dự án]*.

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: \_\_\_\_ *[Ghi tên của liên danh theo thỏa thuận]*.

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng trừ khi được sự đồng ý bằng văn bản của các thành viên khác trong liên danh.Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;

- Bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;

- Hình thức xử lý khác \_\_\_\_ *[Ghi rõ hình thức xử lý khác].*

**Điều 2. Phân công trách nhiệm**

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu \_\_\_\_ *[Ghi tên gói thầu]* thuộc dự án \_\_\_\_ *[Ghi tên dự án]* đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên nhất trí ủy quyền cho \_\_\_\_ *[Ghi tên một bên]* làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau (3):

*- Ký đơn chào hàng;*

*- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYC và văn bản giải trình, làm rõ HSĐX;*

*- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;*

*- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;*

- *Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng* \_\_\_\_ *[Ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].*

2. Các thành viên trong liên danh thống nhất phân công công việc như bảng sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên** | **Nội dung công việc đảm nhận** | **Giá trị đảm nhận hoặc tỷ lệ % so với tổng giá chào** |
| 1 | Tên thành viên đứng đầu liên danh |  |  |
| 2 | Tên thành viên thứ 2 |  |  |
| .... | .... |  |  |
| **Tổng cộng** | | **Toàn bộ công việc của gói thầu** |  |

**Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh**

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

- Hủy thầu gói thầu \_\_\_\_ *[Ghi tên gói thầu]* thuộc dự án \_\_\_\_ *[Ghi tên dự án]* theo thông báo của bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập thành \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ bản, mỗi bên giữ \_\_\_ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH**

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

*­­­­­*

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH**

*[Ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung thỏa thuận liên danh theo Mẫu này có thể được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

(2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

### **Mẫu số 04a**

**BẢO LÃNH DỰ THẦU(1)**

*(áp dụng đối với nhà thầu độc lập)*

**Bên thụ hưởng:\_\_\_***[Ghi đầy đủ và chính xác tên, địa chỉ của bên mời thầu]*

**Ngày phát hành bảo lãnh:\_\_\_***[Ghi ngày phát hành bảo lãnh]*

**BẢO LÃNH DỰ THẦU số:\_\_\_***[Ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]*

**Bên bảo lãnh:\_\_\_***[Ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]*

Chúng tôi được thông báo rằng \_\_\_\_*[Ghi tên nhà thầu]* (sau đây gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham dự chào hàng cạnh tranh để thực hiện gói thầu \_\_\_\_\_\_*[Ghi tên gói thầu]* thuộc dự án \_\_\_\_\_*[Ghi tên dự án]*.

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu tham dự chào hàng cạnh tranh gói thầu này bằng một khoản tiền là \_\_\_\_*[Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]*.

Bảo lãnh này có hiệu lực trong \_\_\_\_(2) ngày, kể từ ngày\_\_\_\_tháng\_\_\_ năm\_\_\_(3).

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng khoản tiền là \_\_\_\_*[Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* khi nhận được văn bản thông báo nhà thầu vi phạm từ bên thụ hưởng trong đó nêu rõ:

1. Nhà thầu rút hồ sơ đề xuất sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ đề xuất;

2. Nhà thầu vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;

3. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của hồ sơ yêu cầu.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh trúng thầu: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng và nộp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh không trúng thầu: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu từ Bên thụ hưởng gửi cho Bên yêu cầu bảo lãnh; trong vòng 30 ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực của hồ sơ đề xuất. Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

|  |
| --- |
| **Đại diện hợp pháp của ngân hàng**  *[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]* |

Ghi chú:

(1) Áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm dự thầu là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Ghi theo quy định tại Chỉ dẫn nhà thầu.

(3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Chỉ dẫn nhà thầu.

### **Mẫu số 04b**

**BẢO LÃNH DỰ THẦU(1)**

*(áp dụng đối với nhà thầu liên danh)*

**Bên thụ hưởng:\_\_\_***[Ghi tên và địa chỉ của bên mời thầu]*

**Ngày phát hành bảo lãnh:\_\_\_***[Ghi ngày phát hành bảo lãnh]*

**BẢO LÃNH DỰ THẦU số:\_\_\_***[Ghi số trích yếu của bảo lãnh dự thầu]*

**Bên bảo lãnh:\_\_\_***[Ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]*

Chúng tôi được thông báo rằng \_\_\_\_*[Ghi tên nhà thầu](2)* (sau đây gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham dự chào hàng cạnh tranh để thực hiện gói thầu\_\_\_\_*[Ghi tên gói thầu]* thuộc dự án \_\_\_\_\_*[Ghi tên dự án]*.

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu tham dự chào hàng cạnh tranh gói thầu này bằng một khoản tiền là \_\_\_\_ *[Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]*.

Bảo lãnh này có hiệu lực trong \_\_\_\_(3) ngày, kể từ ngày\_\_\_\_tháng\_\_\_ năm\_\_\_(4).

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng khoản tiền là \_\_\_\_\_*[Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* khi nhận được văn bản thông báo nhà thầu vi phạm từ Bên thụ hưởng trong đó nêu rõ:

1. Nhà thầu rút hồ sơ đề xuất sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ đề xuất;

2. Nhà thầu vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;

3. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của hồ sơ yêu cầu.

Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh *\_\_\_\_\_ [Ghi đầy đủ tên của nhà thầu liên danh]*vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh trúng thầu: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh không trúng thầu: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu từ Bên thụ hưởng gửi cho Bên yêu cầu bảo lãnh; trong vòng 30 ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực của hồ sơ đề xuất. Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

|  |
| --- |
| **Đại diện hợp pháp của ngân hàng**  *[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]* |

Ghi chú:

(1) Áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm dự thầu là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Tên nhà thầu có thể là một trong các trường hợp sau đây:

- Tên của cả nhà thầu liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B tham dự thầu thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu liên danh A + B”;

- Tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự thầu cho cả liên danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B + C tham dự thầu, trường hợp trong thoả thuận liên danh phân công cho nhà thầu A thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì tên nhà thầu ghi là “nhà thầu A (thay mặt cho nhà thầu liên danh A + B +C)”, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công nhà thầu B thực hiện bảo đảm dự thầu cho nhà thầu B và C thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu B (thay mặt cho nhà thầu B và C)”;

- Tên của thành viên liên danh thực hiện riêng rẽ bảo lãnh dự thầu.

(3) Ghi theo quy định tại Chỉ dẫn nhà thầu.

(4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Chỉ dẫn nhà thầu.

**Mẫu số 5**

**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO HÀNG**

*(áp dụng đối với hợp đồng trọn gói)*

ĐVT: Đồng

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hạng mục gói thầu bảo hiểm** | **Số tiền bảo hiểm** | **Tỷ lệ phí bảo hiểm**  **(0/0)** | **Tổng phí bảo hiểm (đã gồm VAT)** | **Mức miễn thường/01 vụ (không khấu trừ)** | | |
| **Rủi ro do thiên tai** | **Rủi ro khác** | **Đối với bên thứ 3** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| 1 | *Bảo hiểm phần đường* | 147.526.232.208 |  |  |  |  |  |
| 2 | *Bảo hiểm phần cầu* | 160.347.385.943 |  |  |  |  |  |
|  | ***Tổng cộng giá trị công trình bảo hiểm*** | **307.873.618.151** |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đại diện hợp pháp của nhà thầu** *[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]* |

Ghi chú:

Bên mời thầu ghi phù hợp với các nội dung công việc theo quy định tại Chương IV Phần thứ hai - Yêu cầu về phạm vi bảo hiểm.

Các cột (4), (5), (6), (7), (8): do nhà thầu chào. Nhà thầu ghi đơn giá chào hàng và thành tiền của từng công việc cụ thể. Giá chào hàng của nhà thầu phải bao gồm chi phí dự phòng và đã bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có). Nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào hàng không bao gồm thuế, phí, lệ phí thì HSYC của nhà thầu sẽ bị loại.

Không tách riêng phần chi phí dự phòng mà nhà thầu đã phân bổ trong giá chào hàng để xem xét, đánh giá trong quá trình đánh giá hồ sơ yêu cầu về tài chính, thương mại.

**Mẫu số 06 (a)**

**BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ NHÀ THẦU**

Ngày: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Số hiệu và tên gói thầu: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

|  |
| --- |
| Tên nhà thầu: *[ghi tên nhà thầu]* |
| *Trong trường hợp liên danh, ghi tên của từng thành viên trong liên danh* |
| Nơi nhà thầu đăng ký kinh doanh, hoạt động:  *[ghi tên tỉnh/thành phố nơi đăng ký kinh doanh, hoạt động]* |
| Năm thành lập công ty: |
| Địa chỉ hợp pháp của nhà thầu *[tại nơi đăng ký]:* |
| Thông tin về đại diện hợp pháp của nhà thầu  Tên: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Địa chỉ: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Số điện thoại/fax: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Địa chỉ email: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ |
| 1. Kèm theo là bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu đang hoạt động cấp.  2. Trình bày sơ đồ tổ chức của nhà thầu. |

**Mẫu số 06 (b)**

**BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ THÀNH VIÊN CỦA NHÀ THẦU LIÊN DANH(1)**

Ngày:\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Số hiệu và tên gói thầu:\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

|  |
| --- |
| Tên nhà thầu liên danh: |
| Tên thành viên của nhà thầu liên danh: |
| Quốc gia nơi đăng ký công ty của thành viên liên danh: |
| Năm thành lập công ty của thành viên liên danh: |
| Địa chỉ hợp pháp của thành viên liên danh tại quốc gia đăng ký: |
| Thông tin về đại diện hợp pháp của thành viên liên danh  Tên: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Địa chỉ: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Số điện thoại/fax: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Địa chỉ e-mail:\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ |
| 1. Kèm theo là bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu đang hoạt động cấp.  2. Trình bày sơ đồ tổ chức. |

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

## **Mẫu số 7**

## **LỊCH SỬ KIỆN TỤNG**

......, ngày..... tháng..... năm ....

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Vụ việc** | **Bên nguyên** | **Thời gian** | **Kết quả xét xử** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

**Mẫu số 08**

**HỢP ĐỒNG KHÔNG HOÀN THÀNH TRONG QUÁ KHỨ(1)**

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Ngày: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Các hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ theo Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX | | | |
| □ Không có hợp đồng nào đã ký nhưng không thực hiện kể từ ngày 01 tháng 01 năm \_\_\_*[ghi năm]* theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm Mục 2 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX.  □ Có hợp đồng đã ký nhưng không hoàn thành tính từ ngày 01 tháng 01 năm \_\_\_*[ghi năm]* theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm Mục 2 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX. | | | |
| **Năm** | **Phần việc hợp đồng không hoàn thành** | **Mô tả hợp đồng** | **Tổng giá trị hợp đồng (giá trị hiện tại, đơn vị tiền tệ, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)** |
|  |  | Mô tả hợp đồng:  Tên Chủ đầu tư:  Địa chỉ:  Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng: |  |

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ; nếu Bên mời thầu phát hiện bất cứ nhà thầu nào có hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ mà không kê khai thì được coi là hành vi “gian lận” và HSĐX sẽ bị loại. Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

**Mẫu số 09**

**TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TRƯỚC ĐÂY CỦA NHÀ THẦU(1)**

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Ngày: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Số liệu tài chính cho 3 năm gần nhất(2) [VND]** | | |
|  | **Năm 1:** | **Năm 2:** | **Năm 3:** |

**Thông tin từ Bảng cân đối kế toán**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tổng tài sản** |  |  |  |
| **Tổng nợ** |  |  |  |
| **Giá trị tài sản ròng** |  |  |  |
| **Tài sản ngắn hạn** |  |  |  |
| **Nợ ngắn hạn** |  |  |  |
| **Vốn lưu động** |  |  |  |

**Thông tin từ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tổng doanh thu** |  |  |  |
| **Lợi nhuận trước thuế** |  |  |  |
| **Lợi nhuận sau thuế** |  |  |  |
| Đính kèm là bản sao các báo cáo tài chính(3) (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh) cho ba năm gần nhất và tuân thủ các điều kiện sau:  1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ hoặc công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.  2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.  3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành, kèm theo là bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:  - Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;  - Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;  - Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;  - Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;  - Báo cáo kiểm toán (nếu có);  - Các tài liệu khác. | | | |

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Khoảng thời gian được nêu ở đây cần giống khoảng thời gian được quy định, tại Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX, nếu là khác 03 năm thì các cột tại bảng trên cần được thay đổi cho phù hợp.

(3) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đối với nhà thầu là đối tượng phải thực hiện kiểm toán theo quy định của pháp luật về kiểm toán. Trường hợp nhà thầu là đối tượng không phải thực hiện kiểm toán theo quy định của pháp luật về kiểm toán thì không phải nộp báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

**Mẫu số 10**

**DOANH THU BÌNH QUÂN HÀNG NĂM(1)**

Từng nhà thầu hoặc thành viên liên danh phải ghi vào Mẫu này.

Thông tin được cung cấp phải là doanh thu hàng năm từ hoạt động cung cấp dịch vụ của nhà thầu hoặc của từng thành viên liên danh trong từng năm đối với công việc đang thực hiện hoặc đã hoàn thành trên cơ sở các khoản tiền theo hóa đơn xuất cho nhà thầu hoặc cho từng thành viên liên danh.

|  |  |
| --- | --- |
| **Số liệu doanh thu hàng năm của nhà thầu trong \_\_\_năm gần nhất** | |
| **Năm** | **Số tiền (VND)** |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
| **Doanh thu bình quân hàng năm của nhà thầu(3)** |  |

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải ghi vào Mẫu này.

(2) Bên mời thầu cần ghi thời hạn được mô tả tại Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX.

(3) Để xác định doanh thu bình quân hàng năm, nhà thầu sẽ chia tổng doanh thu của các năm cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

**Mẫu số 11**

**HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN(1)**

\_\_\_, ngày \_\_\_tháng \_\_\_năm \_\_\_

Tên nhà thầu:\_\_\_*[ghi tên đầy đủ của nhà thầu]*

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tên và số hợp đồng | *[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]* | | |
| Ngày ký hợp đồng | *[ghi ngày, tháng, năm]* | | |
| Ngày hoàn thành | *[ghi ngày, tháng, năm]* | | |
| Giá hợp đồng | *[ghi tổng giá hợp đồng bằng số tiền và đồng tiền đã ký]* | | Tương đương\_\_\_VND |
| Trong trường hợp là thành viên trong liên danh, ghi giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhiệm | *[ghi phần trăm giá hợp đồng trong tổng giá hợp đồng]* | *[ghi số tiền và đồng tiền đã ký]* | Tương đương\_\_\_VND |
| Tên dự án: | *[ghi tên đầy đủ của dự án có hợp đồng đang kê khai]* | | |
| Tên Chủ đầu tư: | *[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]* | | |
| Địa chỉ:  Điện thoại/fax:  E-mail: | *[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]*  *[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng, địa chỉ e-mail]* | | |
| **Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX(2).** | | | |
| 1. Loại dịch vụ | *[ghi thông tin phù hợp]* | | |
| 2. Về quy mô thực hiện | *[ghi quy mô theo hợp đồng]* | | |
| 3. Các đặc tính khác | *[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]* | | |

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó (xác nhận của Chủ đầu tư về hợp đồng đã hoàn thành theo các nội dung liên quan trong bảng trên bằng tài liệu chứng minh bao gồm: hợp đồng, biên bản nghiệm thu, thanh lý, quyết toán hợp đồng...).

Ghi chú:

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

**Mẫu số 12**

**BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT**

- Đối với từng vị trí công việc quy định tại Mẫu này thì nhà thầu phải kê khai các thông tin chi tiết theo Mẫu số 13 Chương này.

- Nhà thầu phải kê khai những nhân sự chủ chốt có năng lực phù hợp đáp ứng các yêu cầu quy định tại Mục 3 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX và có thể sẵn sàng huy động cho gói thầu; không được kê khai những nhân sự đã huy động cho gói thầu khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này. Trường hợp kê khai không trung thực thì nhà thầu sẽ bị đánh giá là gian lận.

|  |  |
| --- | --- |
| 1 | Vị trí công việc: *[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]* |
| Tên: *[ghi tên nhân sự chủ chốt]* |
| 2 | Vị trí công việc: *[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]* |
| Tên: *[ghi tên nhân sự chủ chốt]* |
| 3 | Vị trí công việc |
| Tên |
| 4 | Vị trí công việc |
| Tên |
| 5 | Vị trí công việc |
| Tên |
| …. | Vị trí công việc |
| Tên |

**Mẫu số 13**

**LÝ LỊCH NHÂN SỰ CHỦ CHỐT**

Vị trí dự kiến đảm nhiệm: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Họ tên chuyên gia: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_Quốc tịch: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Nghề nghiệp: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Ngày, tháng, năm sinh: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tham gia tổ chức nghề nghiệp: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Quá trình công tác:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Tên cơ quan đơn vị công tác** | **Thông tin tham chiếu** | **Vị trí công việc đảm nhận** |
| Từ tháng/năm đến tháng/năm | …… | *(nêu tên, điện thoại, email của người được tham chiếu để kiểm chứng thông tin)* |  |

Nhiệm vụ dự kiến được phân công trong gói thầu:

|  |  |
| --- | --- |
| Chi tiết nhiệm vụ dự kiến được phân công trong gói thầu: | Nêu kinh nghiệm thực hiện những công việc, nhiệm vụ liên quan trước đây để chứng minh khả năng thực hiện công việc, nhiệm vụ được phân công |
| *[Nêu các hạng mục công việc mà chuyên gia được phân công thực hiện]* |  |
| ... |  |

- Năng lực:\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ *[Mô tả chi tiết kinh nghiệm và các khóa đào tạo đã tham dự đáp ứng phạm vi công tác được phân công. Trong phần mô tả kinh nghiệm cần nêu rõ nhiệm vụ được phân công cụ thể trong từng dự án và tên/địa chỉ của chủ đầu tư/bên mời thầu.]*

- Trình độ học vấn: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*[Nêu rõ các bằng cấp liên quan, tổ chức cấp bằng, thời gian học và loại bằng cấp]*

- Ngoại ngữ: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ *[Nêu rõ trình độ ngoại ngữ]*

- Thông tin liên hệ: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ *[Nêu rõ tên, số điện thoại, e-mail của người cần liên hệ để đối chiếu thông tin]*

Tôi xin cam đoan các thông tin nêu trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | \_\_\_\_\_, ngày \_\_\_tháng \_\_\_năm\_\_\_\_ **Người khai** *[Ký tên, chức danh và ghi rõ họ tên]* |

Ghi chú:

Nhà thầu gửi kèm theo bản sao có chứng thực hợp đồng lao động; bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp, chứng chỉ hành nghề chuyên môn của các nhân sự chủ chốt được kê khai trong HSĐX.

**Mẫu số 14**

## **KÊ KHAI CÁC VỤ TỔN THẤT ĐIỂN HÌNH MÀ NHÀ THẦU**

**ĐÃ GIẢI QUYẾT BỒI THƯỜNG**

\_\_\_\_, ngày \_\_\_ tháng \_\_\_ năm \_\_\_\_

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*\_\_\_\_\_\_ [Ghi tên đầy đủ của nhà thầu]*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Tổng giá trị tổn thất** | **Tổng số tiền bồi thường** | **Thời gian giải quyết bồi thường** | **Phương án phối hợp và phương pháp giải quyết** |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |

Cột 1: Tên và địa điểm các vụ tổn thất thuộc Công trình hoặc dự án

Cột 5: Phương án phối hợp giải quyết tổn thất, phương pháp giải quyết bồi thường.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đại diện hợp pháp của nhà thầu** *[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]* |

Ghi chú:

Trong trường hợp liên danh, yêu cầu từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này.

## **Mẫu số 15**

## **QUY TRÌNH THỰC HIỆN GIẢI QUYẾT BỒI THƯỜNG**

\_\_\_\_, ngày \_\_\_ tháng \_\_\_ năm \_\_\_\_

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*\_\_\_\_\_\_ [Ghi tên đầy đủ của nhà thầu]*

Tên gói thầu: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*\_\_\_\_\_\_ [Ghi tên đầy đủ của gói thầu]*

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

**Mẫu số 16**

**GIẢI PHÁP VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN TỔNG QUÁT DO NHÀ THẦU ĐỀ XUẤT ĐỂ THỰC HIỆN GÓI THẦU BẢO HIỂM**

*Nhà thầu chuẩn bị đề xuất giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện gói thầu bảo hiểm theo các nội dung quy định tại Chương IV - Yêu cầu về phạm vi bảo hiểm, gồm các phần như sau:*

*1. Giải pháp và phương pháp luận;*

*2. Kế hoạch công tác;*

**Phần thứ hai. YÊU CẦU VỀ PHẠM VI BẢO HIỂM**

**Chương IV. YÊU CẦU VỀ PHẠM VI BẢO HIỂM**

**Mục 1. Phạm vi cung cấp và kế hoạch thực hiện gói thầu**

**1. Phạm vi cung cấp**

Bảo hiểm công trình gói thầu XL xây dựng mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1, đoạn qua Thành phố Tân An, tỉnh Long An (bao gồm cầu Tân An) theo Quy tắc bảo hiểm quy định tại Chương IV **Phần thứ hai**, Hồ sơ yêu cầu, bao gồm:

+ Bảo hiểm thiệt hại vật chất theo Quy tắc bảo hiểm xây dựng lắp đặt và các điều khoản bổ sung kèm theo HSYC này.

+ Bảo hiểm trách nhiệm đối với người thứ ba theo Quy tắc bảo hiểm xây dựng lắp đặt và các điều khoản bổ sung kèm theo HSYC này.

**2. Kế hoạch thực hiện**

Theo tiến độ gói thầu xây lắp + Thời gian bảo hành công trình

**Mục 2. Yêu cầu về kỹ thuật**

**2.1. Giới thiệu chung về dự án:**

1. Tên Dự án: Dự án mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1, đoạn qua Thành phố Tân An, tỉnh Long An.

2. Địa điểm xây dựng: Thành phố Tân An, Tỉnh Long An

3. Chủ đầu tư: Bộ Giao Thông Vân Tải

4. Tổ chức tư vấn lập dự án: Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng công trình 625.

5. Mục tiêu đầu tư xây dựng: Việc đầu tư Dự án mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1 đoạn qua TP Tân An, tỉnh Long An nhằm khắc phục tình trạng hư hỏng mặt đường, quá tải trên tuyến; đảm bảo điều kiện đi lại và hạn chế tai nạn giao thông trên tuyến; rút ngắn thời gian vận chuyển hàng hóa, hành khách, tạo điều kiện phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh Long An và các tỉnh trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ quốc phòng an ninh. Đồng thời, góp phần từng bước hoàn chỉnh mạng lưới giao thông theo quy hoạch phát triển GTVT đường bộ Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

6. Tổng mức đầu tư của dự án: Giai đoạn 1 : 350 tỷ đồng.

7. Nguồn vốn đầu tư: Sử dụng nguồn vốn trái phiếu Chính phủ còn dư giai đoạn 2014-2016 của các dự án cải tạo, nâng cấp QL1A và đường Hồ Chí Minh đoạn qua Tây Nguyên theo Quyết định số 1978/QĐ-TTg ngày 14/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

8. Hình thức quản lý dự án: Giao Ban Quản lý dự án 7 là đơn vị quản lý dự án.

9. Thời gian thực hiện dự án: Theo kế hoạch vốn được giao, dự kiến khởi công năm 2017, hoàn thành năm 2018.

10. Phạm vi dự án:

- Điểm đầu : Tại lý trình Km1945+000 – Quốc lộ 1.

- Điểm cuối : Tại lý trình Km1950+865,11 – Quốc lộ 1.

- Tổng chiều dài tuyến : 5,865 km (kể cả cầu Tân An).

11. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật:

a. Tiêu chuẩn kỹ thuật

Áp dụng khung tiêu chuẩn đã được Bộ GTVT phê duyệt cho dự án tại Quyết định số 1568/QĐ-BGTVT ngày 29/05/2017.

b. Phần đường :

* Đối với giai đoạn ngoài đô thị : Thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng, vận tốc thiết kế 80km/h theo TCVN 4054-2005 với quy mô Bn/Bm=20,5m/19,5m (riêng đoạn qua khu đông dân cư Bn/Bm=22,5m/19,5m)
* Đối với đoạn đi theo quy hoạch đô thị : Thiết kế theo tiêu chuẩn đường phố chính đô thị, vận tốc thiết kế 60km/h theo TCXDVN 104-2007, trong đó giai đoạn 1 gồm 01 đơn nguyên xây dựng mới có Bn/Bm=10m/9m và 01 đơn nguyên hiện hữu giữ nguyên để khai thác.
* Mặt đường : Thảm BTN cấp cao A1, Eyc ≥160Mpa.

c. Cầu Tân an :

Xây dựng 01 đơn nguyên cầu Tân An mới bên trái cầu hiện hữu với khổ cầu 12m, mép cầu mới cách mép cầu hiện hữu 2,0m. Cầu xây dựng theo tiêu chuẩn 22TCN272-05, quy mô vĩnh cửu bằng BTCT và BTCT DƯL với tĩnh không thông thuyền phù hợp với cầu Tân An hiện hữu (BxH=50mx7m).

12. Giải pháp thiết kế :

*a. Hướng tuyến :*

* Đoạn từ đầu tuyến đến Km1945+900 và đoạn từ Km 1948+200 đến cuối tuyến: Tuyến bám theo tuyến hiện hữu, mở rộng đều 2 bên.
* Đoạn từ Km1945+900 đến mố A cầu Tân an (Km 1946+190,3): Tuyến được mở rộng về phía bên trái để khớp nối vào cầu Tân An xây dựng mới.
* Đoạn từ mố B cầu Tân An (Km1946+593,49) đến Km1948+200: Tim tuyến đi theo quy hoạch đô thị của thành phố Tân an, bao gồm 02 đơn nguyên: Đơn nguyên hiện hữu (bên phải tuyến) giữ nguyên để khai thác; Đơn nguyên bên trái tuyến xây dựng mới.

*b. Trắc dọc:*

* Đối với đoạn ngoài đô thị: Trắc dọc được thiết kế trên cơ sở tăng cường kết cấu trên mặt đường cũ, phù hợp với mực nước tần suất H4%. Riêng đoạn Km1949+600 đến cuối tuyến (khoảng 1km) châm chước cao độ vai đường thấp hơn cao độ thiết kế mực nước H4% theo văn bản số 6612/BGTVT-CQLXD ngày 27/05/2014 của Bộ GTVT.
* Đối với đoạn đi theo quy hoạch đô thị : Trắc dọc được thiết kế phù hợp với cao độ đường gom dọc 2 bên tuyến.

*c. Mặt cắt ngang :*

* Đối với đoạn ngoài đô thị : Đầu tư theo quy mô 04 làn xe cơ giới, 02 làn xe hỗn hợp, Bn/Bm=20,5m/19,5m. Riêng đoạn qua khu đông dân cư, bố trí hệ thống rãnh thoát nước dọc hai bên để thoát nước mặt đường, Bn/Bm=22,5m/19,5m.

- Đối với đoạn đi theo quy hoạch đô thị : Đầu tư theo quy mô 04 làn xe cơ giới, 02 làn xe hỗn hợp, gồm 02 đơn nguyên. Giai đoạn 1 gồm 01 đơn nguyên xây dựng mới có Bn/Bm=10m/9m và 01 đơn nguyên hiện hữu giữ nguyên để khai thác.

*d. Nền đường :*

* Nền đường thông thường: Đắp bằng cát với độ chặt K ≥ 0,95, bên ngoài đắp bao taluy bằng đất dính dày 1,0m, độ dốc mái taluy 1/1,5. Lớp đỉnh nền dày 30 cm dưới đáy kết cấu áo đường được đầm nén đảm bảo độ chặt K ≥ 0,98.
* Xử lý đất yếu: Đối với đoạn đắp cao trên nền đất yếu, xử lý bằng các giải pháp để đảm bảo độ lún và ổn định nền đường theo quy định, tránh lún lệch đứt gãy mặt đường.

*e. Mặt đường*: Mặt đường thảm BTN cấp cao A1, Eyc ≥ 160 Mpa, riêng đơn nguyên xây dựng mới giai đoạn 1 đầu tư mặt đường láng nhựa Eyc ≥ 147 MPa để sau khi tăng cường lớp BTN ở giai đoạn 2 đạt Eyc ≥ 160 Mpa theo quy mô chung của dự án.

*f. Cầu Tân An:*

* Kết cấu phần trên: cầu vĩnh cửu bằng BTCT và BTCT dự ứng lực, sơ đồ nhịp 2x38m+70m+110m+70m+2x38m; Nhịp chính gồm 3 nhịp dầm liên tục 70m+110m+70m bằng BTCT DƯL đúc hẫng cân bằng; nhịp dẫn sử dụng dầm Super-T.
* Kết cấu phần dưới: Mố, trụ bằng BTCT đặt trên móng cọc BTCT.

*g. Cống ngang*: xây dựng, nối dài các cống hiện hữu đảm bảo phù hợp với quy mô mở rộng và đảm bảo thoát nước theo quy định.

*h. Thoát nước dọc*: Sửa chữa hệ thống thoát nước dọc hiện hữu và thiết kế mới hệ thống rãnh dọc đoạn qua khu đô thị, khu đông dân cư đảm bảo thoát nước mặt đường.

*i. Các điểm giao cắt* : Thiết kế và tổ chức giao thông đồng mức tại các vị trí giao cắt phù hợp với hiện trạng để đảm bảo an toàn giao thông, vuốt nối tại các vị trí giao cắt với đường địa phương đảm bảo êm thuận.

*j. Hệ thống chiếu sáng*: Xây dựng hệ thống chiếu sáng tại cầu Tân An mới, di dời, hoàn trả hệ thống chiếu sáng hiện hữu trên tuyến.

*k. Hệ thống ATGT*: Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống an toàn giao thông phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN41:2016/BGTVT.

**2.2. Giới thiệu về gói thầu:**

**1. Tên gói thầu:** “Gói thầu BH: Bảo hiểm công trình trong thời gian xây dựng” thuộc Dự án “ Mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1 đoạn qua Thành phố Tân An, tỉnh Long An”.

**2. Tên Bên mời thầu:** Ban Quản lý dự án 7.

**3. Nguồn vốn:** Sử dụng nguồn vốn trái phiếu Chính phủ còn dư giai đoạn 2014-2016 của các dự án cải tạo nâng cấp QL1A và đường Hồ Chí Minh đoạn qua Tây Nguyên theo Quyết định số 1978/QĐ-TTg ngày 14/10/2016 của Thủ tướng chính phủ

**4. Hình thức lựa chọn nhà thầu:** Chào hàng cạnh tranh trong nước.

**5. Phương thức lựa chọn nhà thầu:** Một giai đoạn một túi hồ sơ.

**6. Loại hợp đồng:** Hợp đồng trọn gói.

**7. Thời gian thực hiện hợp đồng:** Kể từ khi thi công công trình đến khi công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng và cộng thêm thời gian bảo hiểm bảo hành

**2.3. Yêu cầu về kỹ thuật**

**1. Loại hình bảo hiểm:** Bảo hiểm mọi rủi ro về xây dựng và trách nhiệm bên thứ ba.

**2. Mẫu đơn bảo hiểm:** Theo giấy chứng nhận bảo hiểm kèm sau.

**3. Người được bảo hiểm:** Ban Quản lý dự án 7 và các Nhà thầu xây lắp.

**4. Địa điểm của dự án:** Tỉnh Long An

5. Quyền lợi được bảo hiểm:

Bảo hiểm thiệt hại vật chất: Bảo hiểm mọi tổn thất bất ngờ và không lường trước được đối với tất cả các công việc có liên quan đến quá trình thi công xây dựng gói thầu XL: Xây dựng mở rộng tuyến tránh QL1 đoạn qua TP. Tân An (bao gồm cầu Tân An) và các hạng mục phát sinh nằm trong giá trị Hợp đồng do bất kỳ nguyên nhân gì gây nên không bị loại trừ tại Điều 8 và Mục 2 - Điều 9 của Quy tắc bảo hiểm xây dựng lắp đặt và các điều khoản bổ sung kèm theo HSYC này.

Bảo hiểm trách nhiệm đối với người thứ ba: Bảo hiểm sẽ bồi thường cho Người được bảo hiểm những số tiền mà người được bảo hiểm có trách nhiệm pháp lý phải bồi thường những thiệt hại phát sinh do thương vong hay ốm đau bất ngờ cho người thứ ba (chết hay không chết người) và tổn thất đối với tài sản cho người thứ ba loại trừ những nguyên nhân được ghi trong mục những điểm loại trừ tại Điều 8 và Mục 2- Điều 10 của Quy tắc bảo hiểm xây dựng lắp đặt và các điều khoản bổ sung kèm theo HSYC này.

6. **Giá trị công trình được bảo hiểm**: **307.873.618.151 đồng**, trong đó:

- Phần đường: 147.526.232.208 đồng

- Phần cầu: 160.347.385.943 đồng

**7. Điều kiện bảo hiểm:**

Trên cơ sở Quy tắc bảo hiểm xây dựng lắp đặt và những điều khoản sửa đổi bổ sung sau (Người được bảo hiểm không phải trả cho người bảo hiểm bất kỳ một khoản phí bổ sung nào khác cho các điều khoản bổ sung dưới đây):

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1. | 001 | Điều khoản bảo hiểm cho các tổn thất gây ra bởi đình công, gây rối, bạo loạn của quần chúng (GHTN: 10.000.000.000 VNĐ/mỗi và mọi vụ tổn thất); |
| 2. | 002 | Điều khoản bảo hiểm trách nhiệm chéo; |
| 3. | 004 | Điều khoản bảo hành mở rộng (24 tháng); |
| 4. | 005 | Điều kiện đặc biệt liên quan đến tiến độ xây dựng/lắp đặt (90 ngày); |
| 5. | 006 | Điều khoản bảo hiểm chi phí làm ngoài giờ, làm đêm, làm vào ngày lễ, chi phí vận chuyển tốc hành (GHTN: 10.000.000.000 VNĐ/mỗi và mọi vụ tổn thất); |
| 6. | 007 | Điều khoản bảo hiểm cho chi phí vận chuyển hàng không (GHTN: 10.000.000.000 VNĐ/mỗi và mọi vụ tổn thất); |
| 7. | 013 | Điều khoản bảo hiểm cho tài sản trong kho bãi ngoài công trường (GHTN: 10.000.000.000 VNĐ/kho); |
| 8. | 102 | Điều kiện đặc biệt liên quan tới đường cáp ngầm, đường ống ngầm và các thiết bị ngầm khác (GHTN: 10.000.000.000 VNĐ/mỗi và mọi vụ tổn thất); |
| 9. | 109 | Cam kết liên quan đến vật liệu xây dựng; |
| 10. | 110 | Điều kiện đặc biệt về các biện pháp an toàn đối với mùa mưa lũ; |
| 11. | 112 | Điều kiện đặc biệt về các thiết bị chống cháy và an toàn về cháy trên công trường; |
| 12. | 113 | Điều khoản bảo hiểm cho việc vận chuyển nội địa (GHTN: 10.000.000.000 VNĐ/chuyến); |
| 13. | 115 | Điều khoản về rủi ro thiết kế (GHTN: 10.000.000.000 VNĐ/mỗi và mọi vụ tổn thất trong thời hạn bảo hiểm); |
| 14. | 116 | Bảo hiểm các hạng mục đã bàn giao hoặc đưa vào sử dụng; |
| 15. | 119 | Điều khoản bảo hiểm cho những tài sản thuộc sở hữu hoặc quyền trông coi, kiểm soát của chủ đầu tư trên công trường (GHTN: 10.000.000.000 VNĐ/mỗi và mọi vụ tổn thất trong thời hạn bảo hiểm); |
| 16. | 120 | Điều khoản chấn động, di chuyển hoặc cột chống bị suy yếu các bộ phận chống đỡ (GHTN: 10.000.000.000 VNĐ/mỗi và mọi vụ tổn thất trong thời hạn bảo hiểm); |
| 17. | 121 | Các điều kiện đặc biệt liên quan đến công việc thi công móng cọc và tường chắn; |
| 18. | \*\*\* | Điều khoản bảo hiểm cho thiệt hại trực tiếp do bom, mìn, mìn nổ chậm, phát nổ gây ra trong quá trình thi công (GHTN: 10.000.000.000 VND/mỗi và mọi vụ tổn thất); |
| 19. | \*\*\* | Điều khoản bảo hiểm cho chi phí chuyên gia (GHTN: 10.000.000.000 VNĐ/mỗi và mọi vụ tổn thất); |
| 20. | \*\*\* | Điều khoản bảo hiểm chi phí dọn dẹp hiện trường (GHTN: 10.000.000.000 VNĐ/mỗi và mọi vụ tổn thất); |
| 21. | \*\*\* | Điều kiện đặt biệt liên quan đến rủi ro ướt; |
| 22. | \*\*\* | Điều khoản điều chỉnh thời gian (72 giờ); |
| 23. | \*\*\* | Điều khoản chỉ định giám định viên độc lập; |
| 24. | \*\*\* | Điều khoản tài liệu và bản vẽ (GHTN: 10.000.000.000 VNĐ/mỗi và mọi vụ tổn thất); |
| 25. | \*\*\* | Điều khoản tạm ứng bồi thường (50% tổn thất ước tính); |
| 26. | \*\*\* | Điều khoản về bảo hiểm cho chi phí khiếu nại và chuẩn bị hồ sơ bồi thường (GHTN: 1.000.000.000 VND/mỗi và mọi vụ tổn thất). |

*Các điều khoản bổ sung khác do Nhà thầu tự đề xuất.*

**10. Mức miễn thường (không khấu trừ):**

Mức miễn thường (không khấu trừ) tối đa cho toàn bộ công trình trong thời gian xây dựng - Dự án “ Mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1 đoạn qua Thành phố Tân An, tỉnh Long An” không vượt quá giá trị sau:

+ Đối với rủi ro thiên tai: 50.000.000 đồng/ 1 vụ tổn thất.

+ Đối với rủi ro khác: 10.000.000 đồng/ 1 vụ tổn thất.

+ Đối với bên thứ ba: 20.000.000 đồng/1 vụ tổn thất (chỉ áp dụng cho phần thiệt hại tài sản).

Mức giới hạn trách nhiệm đối với bên thứ ba tối thiểu là 30 tỷ đồng/mỗi và mọi vụ tổn thất và không giới hạn số vụ trong toàn bộ thời hạn bảo hiểm.

**11. Tỷ lệ phí bảo hiểm:** *(do Nhà thầu tự đề xuất)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hạng mục gói thầu bảo hiểm** | **Số tiền bảo hiểm** | **Tỷ lệ phí bảo hiểm**  **(0/0)** | **Tổng phí bảo hiểm (đã gồm VAT)** | **Mức miễn thường/01 vụ (không khấu trừ)** | | |
| **Rủi ro do thiên tai** | **Rủi ro khác** | **Đối với bên thứ 3** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
|  | *Bảo hiểm phần đường* | 147.526.232.208 |  |  |  |  |  |
|  | *Bảo hiểm phần cầu* | 160.347.385.943 |  |  |  |  |  |
|  | ***Tổng cộng giá trị công trình bảo hiểm*** | **307.873.618.151** |  |  |  |  |  |

Tổng số phí bảo hiểm trên đã bao gồm phí và các phụ phí của các điều khoản sửa đổi bổ sung.

**Tổng phí bảo hiểm**: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_VNĐ (đã bao gồm 10% thuế VAT).

1. **Thời hạn và giá trị thanh toán phí bảo hiểm:**

Tiến độ thanh toán phí bảo hiểm được chia thành 2 lần như sau:

Lần 1: Thanh toán 90% phí bảo hiểm ngay sau khi hợp đồng có hiệu lực và theo kế hoạch cấp vốn;

Lần 2: Thanh toán 10% phí bảo hiểm còn lại sau khi bàn giao công trình đưa vào sử dụng và theo kế hoạch cấp vốn.

**GIẤY YÊU CẦU BẢO HIỂM XÂY DỰNG**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1. Tên công trình  (nếu công trình chia thành nhiều hạng mục, đề nghị ghi rõ hạng mục nào được bảo hiểm) |  | |
|  | |
|
|  | |
| 2. Địa điểm công trình  Nước/Tỉnh/Huyện  Thành phố/Thị trấn/Xã |  | |
|  | |
|  | |
|  | |
| 3. Tên và địa chỉ của bên mua bảo hiểm |  | |
|  | |
|  | |
| 4. Tên và địa chỉ của chủ thầu chính thi công xây dựng |  | |
|  | |
|  | |
| 5. Tên và địa chỉ các nhà thầu thi công phụ (chi tiết từng nhà thầu phụ) |  | |
|  | |
|  | |
| 6. Tên và địa chỉ của nhà thầu tư vấn khảo sát xây dựng (chi tiết từng nhà thầu) |  | |
|  | |
|  | |
| 7. Tên và địa chỉ của nhà thầu tư vấn thiết kế xây dựng (chi tiết từng nhà thầu) |  | |
| 8. Tên và địa chỉ của nhà thầu giám sát công việc thi công xây dựng |  | |
| 9. Tên và địa chỉ của nhà thầu giám sát công việc lắp đặt |  | |
| 10. Tên và địa chỉ của người được bảo hiểm (Chi tiết theo từng người được bảo hiểm) |  | |
| 11. Mô tả chi tiết công việc xây dựng và các thông số kỹ thuật (Nếu cần thiết ghi thành một bản riêng) (\*)  (\*) Đối với các công trình có thiết kế phức tạp cần khai thêm bản câu hỏi bổ sung riêng theo yêu cầu của doanh nghiệp bảo hiểm. | Kích thước (dài, cao, sâu, khoảng cách, số tầng ) | |
|  | |
|  | |
| Loại móng và mức độ đào sâu nhất: | |
|  | |
| Phương pháp xây dựng: | |
|  | |
| Vật liệu xây dựng : | |
|  | |
| 12. Nhà thầu thi công xây dựng có kinh nghiệm trong việc xây dựng hay trong phương pháp xây dựng công trình loại này không ? (Chi tiết đến từng nhà thầu phụ) |  | |
| Tên nhà thầu phụ Có Không | |
|  | |
| 13. Loại sơ đồ, thiết kế và nguyên vật liệu của công trình này đã được sử dụng hoặc thử nghiệm xây dựng các công trình xây dựng trước đây?  (Đề nghị cho biết tên cụ thể các công trình xây dựng đó - nếu có) | Có Không | |
| 15. Đây có phải là xây dựng mở rộng công trình sẵn có không?  - Nếu có thì công trình vẫn tiếp tục hoạt động trong quá trình xây dựng/lắp đặt không?  (kèm theo sơ đồ - nếu có) | Có Không | |
| Có Không | |
| 16. Thời hạn bảo hiểm | Từ .....................................đến ......................................... | |
| Thời hạn bảo hành từ......................... đến........................... | |
| 17. Mô tả chi tiết các công việc do các nhà thầu phụ tiến hành? |  | |
| 18. Nêu rõ loại thiết bị được lắp đặt (nếu là thiết bị cũ thì đề nghị ghi rõ)  Nếu là máy móc: tên nhà sản xuất, số, loại, kích thước, công suất, trọng lượng, áp suất, nhiệt độ (nếu có).  Nếu là công trình hoàn chỉnh: sơ đồ tổng thể, tính chất các công việc xây dựng (nếu có) |  | |
|  | |
|  | |
| 19. Các rủi ro đặc biệt đối với công trình | Cháy, nổ Có Không | |
| Lũ, lụt Có Không | |
| Đất lở, bão, gió lốc Có Không | |
| Nổ mìn Có Không | |
| Núi lửa, sóng thần Có Không | |
| Đã có động đất xảy ra ở vùng này chưa Có Không  Nếu có nêu rõ cường độ (Mercalli) độ lớn (Richter) | |
| Rủi ro khác Có Không | |
| Thiết kế của công trình được bảo hiểm có dựa trên các quy định về kiến trúc tại vùng có động đất không Có Không | |
| Tiêu chuẩn thiết kế có cao hơn thiết kế quy định không  Có Không | |
| 20. Trạng thái đất đai | Đá Sỏi Cát Đất sét Đất mượn | |
| Điều kiện đất đai khác | |
| Có các khiếm khuyết địa chấn trong khu vực không? Có Không | |
| 21. Mực nước ngầm | Độ sâu từ mặt đất mét | |
| 22. Sông, hồ, biển... gần nhất | Tên | |
| Khoảng cách (tới công trình) | |
|  | Mực nước Thấp nhất Trung bình | |
| Mực nước cao nhất ghi nhận được vào ngày | |
| 23. Điều kiện khí tượng | Mùa mưa từ tới | |
| Lượng mưa cao nhất (mm) trong 1 giờ 1 ngày 1 tháng | |
| Rủi ro bão: Thấp Trung bình Cao | |
| Vận chuyển nhanh: | |
| Vận chuyển bằng máy bay: | |
| **Giá trị bảo hiểm** | **Hạng mục được bảo hiểm** | **Số tiền bảo hiểm** |
| 1. Giá trị công trình/hạng mục công trình xây dựng được bảo hiểm: |  |
| 1.1. Giá trị hợp đồng |  |
| 1.2. Nguyên vật liệu hay hạng mục do chủ đầu tư cung cấp |  |
| 2. Chi phí lắp đặt |  |
| 3. Cước phí vận chuyển |  |
| 4. Thuế |  |
| 5. Chi phí dọn dẹp vệ sinh (nếu có) |  |
| **Tổng số tiền được bảo hiểm** |  |

Bên mua bảo hiểm cam kết rằng các thông tin trong Giấy yêu cầu bảo hiểm này là đầy đủ và trung thực mà bên mua bảo hiểm nhận biết được. Bên mua bảo hiểm đồng ý rằng Giấy yêu cầu bảo hiểm này cùng các thông tin do Bên mua bảo hiểm cung cấp là cơ sở đồng thời là bộ phận không tách rời của hợp đồng bảo hiểm.

*…, ngày tháng năm*

**Người yêu cầu bảo hiểm**

**GIẤY CHỨNG NHẬN BẢO HIỂM**

**CÔNG TRÌNH TRONG THỜI GIAN XÂY DỰNG**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 329/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)*

**Tên của doanh nghiệp bảo hiểm**

***Giấy chứng nhận bảo hiểm được cấp căn cứ theo Hợp đồng bảo hiểm số........ ngày........giữa........và....; căn cứ Giấy yêu cầu bảo hiểm số...... ngày......***

1. Tên của bên mua bảo hiểm:

2. Địa chỉ của bên mua bảo hiểm:

3. Tên công trình xây dựng được bảo hiểm:

4. Địa điểm công trình xây dựng được bảo hiểm:

5. Quy tắc bảo hiểm: Áp dụng theo Thông tư số 329/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính.

6. Số tiền bảo hiểm: .......

7. Thời hạn bảo hiểm: Từ ....... đến .......

8. Mức khấu trừ:..........

9. Phí bảo hiểm:......

10. Thời hạn thanh toán phí bảo hiểm:......

Kèm theo Giấy chứng nhận bảo hiểm này là Giấy yêu cầu bảo hiểm số:.......

*. . . . . . . , ngày . . . . tháng . . . . năm....*

**DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM**

*(ký tên, đóng dấu)*

**QUY TẮC BẢO HIỂM XÂY DỰNG**

**Điều 1. Đối tượng bảo hiểm**

**Quy tắc bảo hiểm này được áp dụng đối với những đối tượng bảo hiểm sau đây, với điều kiện là những đối tượng bảo hiểm đó được ghi trong hợp đồng bảo hiểm:**

1. Các công trình xây dựng bao gồm công trình xây dựng công cộng, nhà ở, công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, năng lượng và các công trình khác;

2. Trang thiết bị xây dựng phục vụ quá trình xây dựng;

3. Máy móc xây dựng phục vụ quá trình xây dựng;

4. Phần công việc lắp đặt phục vụ và/hoặc cấu thành một bộ phận của quá trình xây dựng;

5. Tài sản sẵn có trên và trong phạm vi công trường thuộc quyền sở hữu, quản lý, trông nom, kiểm soát của người được bảo hiểm;

6. Trách nhiệm đối với người thứ ba.

**Điều 2. Bên mua bảo hiểm và người được bảo hiểm**

Trong Quy tắc bảo hiểm này, bên mua bảo hiểm và người được bảo hiểm được hiểu như sau:

1. Bên mua bảo hiểm là chủ đầu tư (hoặc ban quản lý dự án). Trường hợp phí bảo hiểm đã được tính vào giá trúng thầu thì nhà thầu thực hiện việc mua bảo hiểm. Bên mua bảo hiểm có thể đồng thời là người được bảo hiểm.

2. Người được bảo hiểm là tổ chức, cá nhân có tài sản, trách nhiệm dân sự được bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm.

**Điều 3. Hợp đồng bảo hiểm**

Thoả thuận bảo hiểm giữa bên mua bảo hiểm và doanh nghiệp bảo hiểm được thể hiện dưới hình thức hợp đồng bảo hiểm. Hợp đồng bảo hiểm bao gồm Quy tắc bảo hiểm này, Giấy yêu cầu bảo hiểm, Giấy chứng nhận bảo hiểm và các điều khoản sửa đổi, bổ sung hợp đồng bảo hiểm (nếu có).

**Điều 4. Giấy yêu cầu bảo hiểm**

Khi yêu cầu bảo hiểm, bên mua bảo hiểm phải gửi Giấy yêu cầu bảo hiểm theo mẫu cho doanh nghiệp bảo hiểm. Giấy yêu cầu bảo hiểm là một bộ phận không tách rời của hợp đồng bảo hiểm.

**Điều 5.** **Giấy chứng nhận bảo hiểm**

Giấy chứng nhận bảo hiểm là bằng chứng của việc giao kết hợp đồng bảo hiểm và là một bộ phận không tách rời của hợp đồng bảo hiểm. Giấy chứng nhận bảo hiểm được lập theo mẫu quy định.

**Điều 6. Thời hạn bảo hiểm**

Theo tiến độ xây lắp được tính từ khi khởi công gói thầu xây lắp cho đến khi hoàn thành bàn giao công trình đưa vào sử dụng cộng thêm 24 tháng bảo hiểm cho thời gian bảo hành công trình và cộng thêm điều khoản bảo hiểm bảo hành mở rộng theo điều khoản bổ sung MR004 (thời gian bảo hành được tính từ khi bắt đầu có Biên bản bàn giao đưa công trình vào khai thác sử dụng cho đơn vị quản lý).

Doanh nghiệp bảo hiểm ( nhà thầu ký kết hợp đồng bảo hiểm) có trách nhiệm bảo hiểm trong toàn bộ thời hạn bảo hiểm.

Hợp đồng bảo hiểm sẽ chấm dứt hiệu lực vào ngày quy định trong hợp đồng. Mọi trường hợp kéo dài thời hạn bảo hiểm đều phải được lập thành phụ lục hợp đồng hoặc doanh nghiệp bảo hiểm đồng ý bằng văn bản.

**Điều 7. Điều kiện chung áp dụng đối với cả bảo hiểm thiệt hại vật chất và bảo hiểm trách nhiệm đối với người thứ ba**

1. Người được bảo hiểm có nghĩa vụ tuân thủ các quy định của Quy tắc bảo hiểm này, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ cung cấp thông tin cho doanh nghiệp bảo hiểm, khai báo và trả lời đầy đủ, chính xác các câu hỏi ghi trong Giấy yêu cầu bảo hiểm. Đây là điều kiện tiên quyết để ràng buộc trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm.

2. Người được bảo hiểm có nghĩa vụ thực hiện mọi biện pháp cần thiết để đề phòng tổn thất hay trách nhiệm có thể xảy ra và tuân thủ mọi quy chế và kiến nghị của các nhà thiết kế. Những chi phí phát sinh liên quan đến việc áp dụng các biện pháp nói trên do người được bảo hiểm chịu.

3. Vào bất kỳ thời gian hợp lý nào, đại diện của doanh nghiệp bảo hiểm cũng có quyền xem xét và kiểm tra rủi ro được bảo hiểm.Người được bảo hiểm có nghĩa vụ cung cấp cho đại diện của doanh nghiệp bảo hiểm mọi chi tiết, thông tin cần thiết để đánh giá rủi ro được bảo hiểm.

Người được bảo hiểm có nghĩa vụ thông báo ngay cho doanh nghiệp bảo hiểm bằng các phương tiện thông tin và bằng văn bản về bất kỳ sự thay đổi quan trọng nào đối với các rủi ro được bảo hiểm (người được bảo hiểm tự chịu chi phí cho việc thông báo này). Doanh nghiệp bảo hiểm có quyền yêu cầu người được bảo hiểm thực hiện các biện pháp phòng ngừa cần thiết và nếu cần doanh nghiệp bảo hiểm có thể điều chỉnh phạm vi bảo hiểm và phí bảo hiểm cho phù hợp.

Người được bảo hiểm không được tự ý tiến hành hay chấp nhận bất cứ sự thay đổi quan trọng nào làm tăng mức độ rủi ro bảo hiểm, trừ khi việc đó được doanh nghiệp bảo hiểm chấp thuận bằng văn bản.

4. Trong trường hợp xảy ra những sự kiện bảo hiểm thuộc phạm vi bồi thường theo Quy tắc bảo hiểm này, người được bảo hiểm có nghĩa vụ:

a) Lập tức thông báo ngay cho doanh nghiệp bảo hiểm bằng các phương tiện thông tin và sau đó bằng văn bản, nêu rõ tính chất và mức độ tổn thất,

b) Thực hiện mọi biện pháp trong phạm vi khả năng của mình để hạn chế tổn thất ở mức thấp nhất,

c) Bảo quản các bộ phận bị tổn thất và sẵn sàng để cho đại diện hay giám định viên của doanh nghiệp bảo hiểm giám định các bộ phận đó,

d) Cung cấp mọi thông tin và chứng từ, văn bản theo yêu cầu của doanh nghiệp bảo hiểm nhằm xác định tính chất và mức độ tổn thất,

e) Thông báo ngay cho cơ quan công an trong trường hợp tổn thất do trộm cắp.

Trong mọi trường hợp, doanh nghiệp bảo hiểm sẽ không chịu trách nhiệm đối với tổn thất vật chất hay trách nhiệm phát sinh từ tổn thất đó nếu trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm doanh nghiệp bảo hiểm không nhận được thông báo tổn thất.

Sau khi thông báo cho doanh nghiệp bảo hiểm, người được bảo hiểm có thể tiến hành sửa chữa hay thay thế các hư hỏng nhỏ. Còn trong mọi trường hợp khác, nhất thiết phải có mặt đại diện của doanh nghiệp bảo hiểm để giám định tổn thất trước khi thực hiện việc sửa chữa hay thay thế. Nếu đại diện của doanh nghiệp bảo hiểm không tiến hành giám định trong khoảng thời gian được xem là hợp lý theo tình hình thực tế thì người được bảo hiểm có quyền xúc tiến việc sửa chữa hay thay thế.

Trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm đối với bất kỳ hạng mục được bảo hiểm nào bị tổn thất sẽ chấm dứt nếu hạng mục đó không được sửa chữa kịp thời và chu đáo.

5. Người được bảo hiểm có nghĩa vụ thực hiện, phối hợp hoặc cho phép doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện mọi hành động và biện pháp cần thiết hoặc theo yêu cầu của doanh nghiệp bảo hiểm nhằm bảo vệ mọi quyền và lợi ích mà doanh nghiệp bảo hiểm được hưởng sau khi thanh toán hoặc bồi thường thiệt hại thuộc trách nhiệm bảo hiểm theo Quy tắc bảo hiểm này, cho dù những hành động và những biện pháp đó được thực hiện trước hoặc sau khi doanh nghiệp bảo hiểm bồi thường cho người được bảo hiểm.

Các quyền mà doanh nghiệp bảo hiểm được hưởng bao gồm cả quyền được miễn trách nhiệm hoặc quyền đòi bên thứ ba (không phải là người được bảo hiểm theo Quy tắc bảo hiểm này) bồi hoàn. Chi phí phát sinh liên quan đến các công việc này do doanh nghiệp bảo hiểm chịu.

6. Mọi tranh chấp giữa doanh nghiệp bảo hiểm và người được bảo hiểm trong việc bảo hiểm theo Quy tắc này trước hết được giải quyết trên cơ sở thương lượng. Nếu hai bên không giải quyết được bằng thương lượng, tranh chấp đó sẽ được giải quyết tại toà án theo quy định của pháp luật Việt Nam.

7. Nếu có sự gian lận trong yêu cầu bồi thường về bất kỳ phương diện nào hoặc nếu có bất kỳ sự khai báo sai sự thật nào được đưa ra hoặc được sử dụng nhằm hỗ trợ cho yêu cầu bồi thường đó, hoặc nếu người được bảo hiểm hoặc người thay mặt họ sử dụng bất kỳ phương tiện hay thủ đoạn gian lận nào nhằm trục lợi bảo hiểm thì tất cả mọi quyền lợi theo Quy tắc bảo hiểm này sẽ không có giá trị.

Các quyền lợi bảo hiểm theo Quy tắc bảo hiểm này cũng sẽ không còn giá trị nếu trong phạm vi 3 tháng kể từ ngày yêu cầu bồi thường bị từ chối hoặc trọng tài đưa ra phán quyết về việc giải quyết yêu cầu bồi thường đó, người được bảo hiểm không có khiếu nại đối với doanh nghiệp bảo hiểm.

8. Nếu vào thời điểm phát sinh yêu cầu bồi thường theo Quy tắc bảo hiểm này mà có bất kỳ một hợp đồng bảo hiểm nào khác cũng bảo hiểm tổn thất vật chất hay trách nhiệm đó thì doanh nghiệp bảo hiểm sẽ chỉ có trách nhiệm bồi thường đối với yêu cầu bồi thường về tổn thất vật chất hay trách nhiệm đó theo tỷ lệ giữa số tiền bảo hiểm đã thoả thuận với tổng số tiền bảo hiểm của tất cả các hợp đồng bảo hiểm mà người được bảo hiểm đã giao kết.

**Điều 8. Các điểm loại trừ áp dụng chung cho bảo hiểm thiệt hại vật chất và bảo hiểm trách nhiệm đối với người thứ ba**

Doanh nghiệp bảo hiểm không chịu trách nhiệm bồi thường về thiệt hại vật chất hoặc trách nhiệm đối với người thứ ba gây nên bởi, phát sinh từ hoặc có thể quy cho:

1. Chiến tranh, xâm lược, hành động thù địch của nước ngoài (có tuyên chiến hay không tuyên chiến), nội chiến, bạo loạn, bạo động có thể dẫn đến nổi dậy vũ trang hoặc dành chính quyền;

2. Hành động khủng bố có nghĩa là hành động do một người hay một nhóm người thực hiện đơn độc hoặc nhân danh hoặc có liên quan đến bất kỳ tổ chức hoặc chính phủ nào vì mục đích chính trị, tôn giáo, tư tưởng hoặc các mục đích tương tự bao gồm cả ý đồ gây ảnh hưởng đến bất kỳ chính phủ nào, làm cho dân chúng hoặc bất kỳ bộ phận dân chúng nào lo sợ.

Những loại trừ quy định tại khoản 1 và 2 của Điều này không bao gồm những tổn thất, thiệt hại, chi phí, phí tổn do bất kỳ nguyên nhân nào trực tiếp hay gián tiếp gây ra bởi, bắt nguồn từ hoặc có liên quan đến bất kỳ hành động nào được thực hiện để kiểm soát, ngăn chặn, dập tắt hoặc có liên quan đến những sự kiện được nêu tại khoản 1 và 2 của Điều này.

Nếu căn cứ theo những loại trừ quy định tại khoản 1 và 2 của Điều này mà doanh nghiệp bảo hiểm từ chối bồi thường cho tổn thất, thiệt hại, chi phí hay phí tổn theo hợp đồng bảo hiểm, thì Người được bảo hiểm có trách nhiệm chứng minh rằng các tổn thất, thiệt hại, chi phí hay phí tổn đó thuộc trách nhiệm bảo hiểm và không thuộc các trường hợp loại trừ quy định tại khoản 1 và 2 của Điều này.

3. Phản ứng hạt nhân, phóng xạ hạt nhân hay nhiễm phóng xạ;

4. Hành động cố ý hay sơ suất lặp đi lặp lại của người được bảo hiểm;

5. Ngừng công việc dù là toàn bộ hay một phần;

6. Tổn thất đối với dữ liệu, phần mềm và các chương trình máy tính, bao gồm:

- Tổn thất hay thiệt hại đối với dữ liệu hoặc phần mềm, đặc biệt là bất kỳ sự thay đổi bất lợi nào về dữ liệu, phần mềm hoặc các chương trình máy tính do việc xoá, làm hỏng hoặc làm biến dạng các cấu trúc ban đầu của dữ liệu, phần mềm, chương trình máy tính đó gây ra và mọi tổn thất gián đoạn kinh doanh do có nguyên nhân từ các tổn thất trên trừ các tổn thất hoặc thiệt hại đối với dữ liệu hoặc phần mềm là hậu quả trực tiếp từ một thiệt hại vật chất được bảo hiểm xảy ra đối với phần vật chất của tài sản.

- Tổn thất hoặc thiệt hại phát sinh từ việc mất hoặc suy giảm khả năng sử dụng, truy cập các dữ liệu, phần mềm hay các chương trình máy tính và mọi tổn thất gián đoạn kinh doanh có nguyên nhân từ các tổn thất trên.

***Điều 9. Bảo hiểm thiệt hại vật chất***

1. Cam kết bảo hiểm

Nếu trong thời hạn bảo hiểm, bất kỳ một hạng mục tài sản nào có tên trong hợp đồng bảo hiểm hay bất kỳ bộ phận nào của hạng mục đó bị tổn thất bất ngờ và không lường trước được do bất kỳ nguyên nhân nào khác với những nguyên nhân bị loại trừ dưới đây gây ra tới mức cần phải sửa chữa hoặc thay thế thì doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm bồi thường cho người được bảo hiểm tổn thất đó theo quy định tại quy tắc bảo hiểm này bằng cách trả tiền, sửa chữa hoặc thay thế (theo sự lựa chọn của doanh nghiệp bảo hiểm). Mức bồi thường đối với từng hạng mục tài sản ghi trong hợp đồng bảo hiểm không vượt quá số tiền bảo hiểm của hạng mục tài sản đó và trong phạm vi hạn mức trách nhiệm bồi thường đối với mỗi sự kiện bảo hiểm (nếu có). Tổng số tiền bồi thường bảo hiểm không vượt quá tổng số tiền được bảo hiểm quy định trong hợp đồng bảo hiểm.

Doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm bồi thường cho người được bảo hiểm chi phí dọn dẹp hiện trường sau khi xảy ra tai nạn dẫn đến yêu cầu bồi thường với điều kiện số tiền bảo hiểm cho chi phí này đã được quy định trong hợp đồng bảo hiểm.

2. Các điểm loại trừ áp dụng đối với bảo hiểm thiệt hại vật chất

Doanh nghiệp bảo hiểm sẽ không có trách nhiệm bồi thường đối với:

a) Mức khấu trừ/Mức miễn thường không khấu trừ quy định trong hợp đồng bảo hiểm;

b) Tất cả các loại tổn thất có tính chất hậu quả, bao gồm tiền phạt, tổn thất do chậm trễ, do không thực hiện được công việc, thiệt hại mất hợp đồng;

c) Những tổn thất trực tiếp do thiết kế sai;

d) Những chi phí thay thế, sửa chữa, khắc phục khuyết tật của nguyên vật liệu hoặc của lỗi do tay nghề kém, tuy nhiên loại trừ này chỉ hạn chế trong chính những hạng mục bị ảnh hưởng trực tiếp, tổn thất của các hạng mục khác xảy ra do hậu quả của nguyên vật liệu bị khuyết tật hoặc tay nghề kém không bị loại trừ;

e) Các hiện tượng ăn mòn, mài mòn, ô xy hoá, mục rữa do ít sử dụng hay diễn ra trong điều kiện áp suất, nhiệt độ bình thường;

g) Tổn thất hoặc thiệt hại đối với máy móc, trang thiết bị xây dựng do hỏng hóc hoặc trục trặc về điện hoặc về cơ, do nứt vỡ, do chất lỏng làm nguội hoặc dung dịch khác bị đông đặc; do hệ thống bôi trơn có khiếm khuyết hoặc do thiếu dầu hay chất lỏng. Tuy nhiên, nếu do hậu quả của những sự cố hỏng hóc hoặc trục trặc này làm xảy ra tai nạn gây thiệt hại đối với những hạng mục được bảo hiểm thì những thiệt hại đó sẽ được bồi thường;

h) Mất mát hay thiệt hại đối với xe cơ giới được phép sử dụng trên đường công cộng hay phương tiện vận tải thuỷ và máy bay;

i) Mất mát hay thiệt hại đối với hồ sơ, bản vẽ, chứng từ kế toán, hoá đơn, tiền, tem phiếu, văn bản, chứng thư nợ, cổ phiếu, thư bảo lãnh, séc;

k) Mất mát hay thiệt hại chỉ phát hiện được vào thời điểm kiểmkê.

3. Điều khoản bảo hiểm áp dụng đối với bảo hiểm thiệt hại vật chất

3.1. Số tiền bảo hiểm:

a) Đối với các công trình xây dựng quy định tại khoản 1, điều 1 của Quy tắc bảo hiểm này: Số tiền bảo hiểm ghi trong hợp đồng bảo hiểm bao gồm toàn bộ vật liệu, tiền lương, cước phí vận chuyển, thuế hải quan, các loại thuế khác, nguyên vật liệu hay các hạng mục do chủ công trình cung cấp và không được thấp hơn tổng giá trị hợp đồng xây dựng.

b) Đối với trang thiết bị xây dựng, máy móc xây dựng phục vụ quá trình xây dựng hạng mục quy định tại khoản 2 và 3, Điều 1 của Quy tắc bảo hiểm này: Số tiền bảo hiểm ghi trong hợp đồng bảo hiểm không được thấp hơn giá trị thay thế (giá thị trường) của trang thiết bị xây dựng và máy móc xây dựng, tức là chi phí thay thế các hạng mục được bảo hiểm bằng các hạng mục mới cùng loại và cùng tính năng.

Trong trường hợp có sự biến động đáng kể về tiền lương hay giá cả, người được bảo hiểm cần phải điều chỉnh lại số tiền bảo hiểm. Việc điều chỉnh này chỉ có hiệu lực sau khi đã được ghi vào hợp đồng bảo hiểm hoặc có văn bản chấp thuận của doanh nghiệp bảo hiểm.

Trong trường hợp có tổn thất, nếu phát hiện thấy số tiền bảo hiểm thấp hơn giá trị của tài sản được bảo hiểm thì doanh nghiệp bảo hiểm chỉ có trách nhiệm bồi thường cho người được bảo hiểm theo tỷ lệ giữa số tiền bảo hiểm và giá trị của tài sản được bảo hiểm. Mọi đối tượng và khoản mục chi phí đều phải tuân theo điều kiện này một cách riêng rẽ.

3.2. Cơ sở giải quyết bồi thường:

Trong mọi trường hợp có tổn thất, cơ sở để giải quyết bồi thường theo hợp đồng bảo hiểm như sau:

a) Đối với trường hợp tổn thất có thể sửa chữa được, cơ sở giải quyết bồi thường là chi phí cần thiết để phục hồi các hạng mục bị tổn thất trở lại trạng thái như trước khi xảy ra tổn thất sau khi trừ đi phần giá trị thu hồi.

b) Đối với trường hợp tổn thất toàn bộ, cơ sở để giải quyết bồi thường là giá trị thực tế của hạng mục đó ngay trước khi xảy ra tổn thất trừ đi giá trị thu hồi.

Doanh nghiệp bảo hiểm chỉ bồi thường các khoản chi phí mà người được bảo hiểm thực tế phải gánh chịu và theo mức mà các khoản đó đã được tính vào số tiền bảo hiểm, với điều kiện người được bảo hiểm phải tuân thủ đầy đủ các điều kiện và điều khoản ghi trong hợp đồng bảo hiểm.

Tuỳ theo từng trường hợp cụ thể, doanh nghiệp bảo hiểm chỉ bồi thường sau khi đã chấp nhận các tài liệu, chứng từ cần thiết để chứng minh rằng việc sửa chữa đã được tiến hành hay việc thay thế đã được thực hiện. Mọi tổn thất có thể sửa chữa được đều phải được sửa chữa, nhưng nếu chi phí sửa chữa tương đương hay vượt quá giá trị của hạng mục đó tại thời điểm trước khi xảy ra tổn thất thì việc thanh toán bồi thường sẽ được thực hiện trên cơ sở quy định tại điểm b, khoản 3.2 của Điều này.

Chi phí sửa chữa tạm thời sẽ do doanh nghiệp bảo hiểm chịu nếu như chi phí đó là một bộ phận cấu thành của việc sửa chữa chính thức và không làm tăng chi phí sửa chữa.

Doanh nghiệp bảo hiểm không có trách nhiệm bồi thường mọi chi phí nhằm cải hoán, bổ sung và/hoặc nâng cấp các hạng mục được bảo hiểm*.*

3.3. Mở rộng phạm vi bảo hiểm:

Theo Quy tắc bảo hiểm này, trường hợp bên mua bảo hiểm muốn mở rộng phạm vi bảo hiểm đối với phần thiệt hại vật chất thì có thể thoả thuận với doanh nghiệp bảo hiểm bằng văn bản về số tiền bảo hiểm và phí bảo hiểm.

***Điều 10. Bảo hiểm trách nhiệm đối với người thứ ba***

1. Cam kết bảo hiểm

Trong phạm vi các số tiền bảo hiểm quy định trong hợp đồng bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm sẽ bồi thường cho người được bảo hiểm những số tiền mà người được bảo hiểm có trách nhiệm pháp lý phải bồi thường những thiệt hại phát sinh do việc gây ra:

a) Thương vong hay ốm đau bất ngờ cho người thứ ba (chết hay không chết người),

b) Tổn thất bất ngờ đối với tài sản của người thứ ba,

Trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm chỉ phát sinh với điều kiện những thiệt hại nêu trên có liên quan trực tiếp đến việc xây dựng hay lắp đặt các hạng mục được bảo hiểm theo thoả thuận trong hợp đồng bảo hiểm tại khu vực công trường hay khu vực phụ cận trong thời hạn bảo hiểm.

Đối với những yêu cầu bồi thường được chấp nhận thanh toán, ngoài các khoản chi phí phải trả thuộc phạm vi bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm bồi thường thêm cho người được bảo hiểm:

- Tất cả chi phí pháp lý mà bên nguyên đơn đòi được từ người được bảo hiểm;

- Tất cả các chi phí đã phát sinh với sự đồng ý bằng văn bản của doanh nghiệp bảo hiểm,

Trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm thuộc phần này không vượt quá hạn mức bồi thường ghi trong hợp đồng bảo hiểm.

*2. Những điểm loại trừ áp dụng đối với bảo hiểm trách nhiệm đối với người thứ ba*

Doanh nghiệp bảo hiểm sẽ không chịu trách nhiệm bồi thường đối với:

a) Mức khấu trừ/Mức miễn thường không khấu trừ quy định trong hợp đồng bảo hiểm. Người được bảo hiểm phải tự chịu mức khấu trừ này trong mỗi sự kiện bảo hiểm;

b) Chi phí chế tạo, chế tạo lại, nâng cấp, sửa chữa hay thay thế các hạng mục được bảo hiểm hoặc có thể được bảo hiểm theo thoả thuận trong hợp đồng bảo hiểm;

c) Thiệt hại đối với tài sản, đất đai hay nhà cửa do chấn động hay kết cấu chịu lực và địa chất công trình bị chuyển dịch hay suy yếu; thương vong hay thiệt hại đối với người hay tài sản do những sự việc nêu trên gây ra (trừ khi có thoả thuận khác bằng điều khoản sửa đổi bổ sung);

d) Trách nhiệm do hậu quả của:

i) Các thương vong, ốm đau gây ra cho người làm thuê hay công nhân của nhà thầu hay của chủ công trình hoặc của bất kỳ doanh nghiệp nào khác có liên quan đến công trình được bảo hiểm toàn bộ hay một phần theo thoả thuận trong hợp đồng bảo hiểm hay gây ra cho thành viên trong gia đình họ;

ii) Tổn thất gây ra đối với tài sản thuộc quyền sở hữu hay quyền quản lý, chăm nom, coi sóc hay kiểm soát của nhà thầu, của chủ công trình hay của bất kỳ doanh nghiệp nào khác có liên quan đến công trình được bảo hiểm toàn bộ hay một phần theo thoả thuận trong hợp đồng bảo hiểm hay của người làm thuê hoặc công nhân của một trong những người nói trên;

iii) Tai nạn gây ra bởi xe cơ giới được phép lưu hành trên đường công cộng hay bởi phương tiện vận tải thuỷ hay máy bay;

iv) Bất kỳ thoả thuận nào của người được bảo hiểm về việc trả một khoản tiền dưới hình thức đền bù hay dưới hình thức khác, trừ khi trách nhiệm đó thuộc trách nhiệm bồi thường của doanh nghiệp bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm.

e) Trách nhiệm phát sinh do người được bảo hiểm cung cấp hoặc không cung cấp lời khuyên, dịch vụ có tính chất chuyên môn hoặc do bất cứ lỗi hoặc thiếu sót nào có liên quan;

g) Trách nhiệm phát sinh từ sự ô nhiễm hoặc nhiễm bẩn trừ việc phá hủy hoặc gây thiệt hại đến đối tượng bảo hiểm do ô nhiễm hoặc nhiễm bẩn xuất phát từ bất cứ rủi ro được bảo hiểm nào và trách nhiệm phát sinh liên quan đến các vật liệu hoặc chất phế thải sẵn có hay được thải ra;

h) Trách nhiệm phát sinh từ hay có liên quan đến chất Amiăng;

i) Trách nhiệm liên quan đến tiền phạt khi không thực hiện hợp đồng.

*3. Các điều kiện bảo hiểm áp dụng đối với bảo hiểm trách nhiệm đối với người thứ ba*

a) Người được bảo hiểm hay người thay mặt người được bảo hiểm không được tự ý thừa nhận, đề xuất, hứa hẹn thanh toán hay bồi thường các khoản tiền liên quan đến hợp đồng bảo hiểm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của doanh nghiệp bảo hiểm. Khi cần thiết doanh nghiệp bảo hiểm có quyền tiến hành bào chữa hoặc giải quyết bất kỳ khiếu nại nào dưới danh nghĩa người được bảo hiểm hay có quyền đứng tên người được bảo hiểm để tiến hành khởi kiện hay thực hiện các biện pháp khác đòi bồi thường thiệt hại và có toàn quyền hành động trong việc tiến hành tranh tụng hay giải quyết khiếu nại. Người được bảo hiểm có nghĩa vụ cung cấp mọi thông tin có liên quan và hỗ trợ khi doanh nghiệp bảo hiểm yêu cầu.

b) Đối với tai nạn thuộc trách nhiệm bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm có thể trả cho người được bảo hiểm toàn bộ số tiền bồi thường (sau khi trừ đi bất kỳ khoản tiền đền bù nào đã trả cho vụ tai nạn đó) hoặc trả một khoản tiền ít hơn đúng với số tiền có thể chấp nhận bồi thường cho vụ tai nạn đó, sau đó doanh nghiệp bảo hiểm sẽ không chịu thêm bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến tai nạn đó theo quy định tại Điều này.

# CÁC ĐIỀU KHOẢN BỔ SUNG

Các giới hạn bổ sung, các mức khấu trừ riêng biệt và áp dụng cho các điều khoản bổ sung dưới đây được ghi trong hợp đồng bảo hiểm. Phụ phí bảo hiểm cho các điều khoản bổ sung này đã được tính gộp trong giá trị hợp đồng bảo hiểm.

**1. ĐKBS MR 001 - Điều khoản bảo hiểm cho các tổn thất gây ra bởi đình công, gây rối, bạo loạn của quần chúng**

Các bên thỏa thuận và hiểu rằng với điều kiện là tất cả các phương diện khác phải tuân theo các điều kiện, điều khoản và các điểm loại trừ được quy định trong Bảo hiểm này hoặc được bổ sung thêm vào Bảo hiểm này, và với điều kiện Người được bảo hiểm đã trả thêm số phí bảo hiểm bổ sung theo thỏa thuận, Bảo hiểm này được mở rộng để bảo hiểm cho các tổn thất hay thiệt hại gây ra bởi nổi loạn, đình công hoặc bạo loạn quần chúng. Với mục đích đó, Điều khoản bổ sung này (với điều kiện luôn tuân thủ "Các điều kiện đặc biệt" nêu dưới đây) bảo hiểm cho các tổn thất hay thiệt hại đối với tài sản được bảo hiểm mà nguyên nhân trực tiếp gây bởi:

1. Hành động của bất kỳ cá nhân nào liên kết với những người khác gây rối trật tự công cộng (cho dù nó có liên quan tới bãi công hoặc phong tỏa nhà máy hay không) nhưng không nằm trong các hành động được đề cập đến ở Điều khoản 2 của "Các điều kiện đặc biệt" của Điều khoản bổ sung này.
2. Hành động của bất kỳ tổ chức quyền lực hợp pháp nào nhằm trấn áp hoặc cố gắng trấn áp bất kỳ sự gây rối nào như đã nói ở trên hoặc làm giảm tới mức tối đa hậu quả của sự gây rối đó.
3. Hành động cố ý của bất kỳ người nào tham gia bãi công hoặc công nhân bị phong tỏa nhằm mục đích đẩy mạnh bãi công hoặc nhằm mục đích chống lại sự phong tỏa nhà máy.
4. Hành động của bất kỳ cơ quan quyền lực hợp pháp nào nhằm chống lại hoặc cố gắng chống lại những hành động trên hoặc làm giảm tới mức tối đa hậu quả của những hành động đó.

Với điều kiện là các bên thỏa thuận thêm và tuyên bố rõ như sau:

1. Tất cả những điều khoản, điều kiện và điểm loại trừ của Bảo hiểm này sẽ được áp dụng đầy đủ đối với Điều khoản bổ sung này, trừ những trường hợp những quy định đó đã được thay đổi trong phần "các điều kiện đặc biệt" được nêu cụ thể dưới đây và liên quan đến bất kỳ tổn thất hay thiệt hại được quy định trong Bảo hiểm này đều được xem là những tổn thất do các rủi ro được bảo hiểm gây ra.
2. "Các điều kiện đặc biệt" dưới đây sẽ chỉ được áp dụng cho Điều khoản bổ sung này, còn tất cả các quy định trong Bảo hiểm này vẫn được áp dụng về mọi phương diện như trong trường hợp Điều khoản bổ sung này chưa được áp dụng.

**Các điều kiện đặc biệt**

1) Bảo hiểm này sẽ không bảo hiểm cho:

* 1. Những tổn thất hoặc thiệt hại bắt nguồn từ việc gián đoạn toàn bộ hoặc một phần công việc, hoặc là hậu quả do bất kỳ quá trình hoặc hoạt động nào bị chậm trễ, trì hoãn, gián đoạn.
  2. Những tổn thất hoặc thiệt hại gây ra bởi việc mất quyền sở hữu tạm thời hoặc vĩnh viễn do các hành động tịch thu, trưng thu hoặc trưng dụng theo lệnh của bất kỳ tổ chức có thẩm quyền pháp lý nào.
  3. Những tổn thất hoặc thiệt hại gây ra bởi việc mất quyền sở hữu tạm thời hoặc vĩnh viễn đối với một khu nhà nào đó do sự lấn chiếm trái phép bởi bất kỳ một cá nhân nào trong khu nhà đó.
  4. Những tổn thất hoặc trách nhiệm mang tính chất hậu quả dưới bất kỳ hình thức nào, bất kỳ khoản chi trả nào vượt quá số tiền bồi thường đối với thiệt hại vật chất mà nội dung bảo hiểm này quy định;

Tuy nhiên quy định rằng Người bảo hiểm vẫn phải chịu trách nhiệm theo mục b và c nêu trên đối với Người được bảo hiểm trong trường hợp có tổn thất vật chất xảy ra đối với những tài sản được bảo hiểm trước hoặc trong thời gian bị mất quyền sở hữu tạm thời.

2. Điều khoản bổ sung này không bảo hiểm cho bất kỳ tổn thất hay thiệt hại nào gây ra bởi hoặc do hậu quả trực tiếp hay gián tiếp của bất kỳ một nguyên nhân nào được nêu tên dưới đây:

* 1. Chiến tranh, xâm lược, hành động của kẻ thù bên ngoài, các hành động thù địch gây chiến tranh (cho dù có được tuyên chiến hay không), nội chiến.
  2. Binh biến, bạo loạn quần chúng dẫn tới nổi dậy toàn dân, hành động quân sự, khởi nghĩa vũ trang, phiến loạn, cách mạng hoặc đảo chính quân sự, tiếm quyền.
  3. Hành động của bất kỳ người nào dưới danh nghĩa hoặc có liên quan tới bất kỳ một tổ chức nào có hành động trực tiếp hành động trực tiếp nhằm lật đổ chính quyền hợp pháp hay chính quyền thực tại hoặc dùng khủng bố hay bạo lực để gây ảnh hưởng tới chính quyền đó;

Trong bất kỳ vụ kiện tụng, xét xử hoặc các quá trình giải quyết khác, nếu Người bảo hiểm cho rằng theo những qui định nêu trong điều kiện này mà bất kỳ tổn thất hay thiệt hại nào không thuộc phạm vi bảo hiểm, thì việc chứng minh rằng các tổn thất đó được bảo hiểm theo Bảo hiểm này sẽ thuộc trách nhiệm của Người được bảo hiểm.

3. Bảo hiểm này có thể bị hủy bỏ ở bất kỳ thời điểm nào khi Người bảo hiểm gửi thông báo hiệu lực hủy bỏ cho Người được bảo hiểm theo địa chỉ mới nhất của họ. Trong trường hợp này, Người bảo hiểm có trách nhiệm hoàn trả lại một số phí bảo hiểm tương ứng với thời gian tính từ khi Hợp đồng bảo hiểm được hủy bỏ.

4. Hạn mức bồi thường đối với mỗi sự cố quy định dưới đây sẽ được hiểu là hạn mức bồi thường cho tất cả các tổn thất hoặc thiệt hại được bảo hiểm theo điều khoản bổ sung này trong vòng 168 giờ liên tục.

Tổng hạn mức trách nhiệm của Người bảo hiểm cho Điều khoản bổ sung này trong toàn bộ thời hạn bảo hiểm của Bảo hiểm này giới hạn bằng hai lần hạn mức trách nhiệm bồi thường cho mỗi sự cố.

**Giới hạn trách nhiệm:** **10.000.000.000 VNĐ/mỗi và mọi vụ tổn thất.**

**2. ĐKBS MR 002 - Điều khoản bảo hiểm trách nhiệm chéo**

Các bên thỏa thuận và hiểu rằng với điều kiện là tất cả các phương diện khác phải tuân theo các điều kiện, điều khoản và các điểm loại trừ được quy định trong Bảo hiểm này hoặc được bổ sung thêm vào Bảo hiểm này, và với điều kiện là Người được bảo hiểm đã trả thêm số phí bảo hiểm bổ sung theo thỏa thuận, phần bảo hiểm về trách nhiệm bên thứ ba của Bảo hiểm này sẽ áp dụng riêng cho các bên được bảo hiểm có tên trong Hợp đồng bảo hiểm xem như một hợp đồng bảo hiểm tách biệt cấp cho mỗi bên, với điều kiện Người bảo hiểm sẽ không bồi thường cho Người được bảo hiểm theo Điều khoản bổ sung này trách nhiệm đối với:

- Mất mát hay thiệt hại của các hạng mục được bảo hiểm hoặc có thể được bảo hiểm theo phần I của Bảo hiểm này, ngay cả trường hợp tổn thất đó không thể đòi bồi hoàn được vì có mức miễn bồi thường hay có hạn mức quy định nào khác.

- Chết người hay thương tật, ốm đau của người làm thuê hoặc công nhân mà được hay đáng lẽ có thể được bảo hiểm theo loại hình bảo hiểm bồi thường tai nạn đối với công nhân và/hoặc bảo hiểm trách nhiệm của chủ sử dụng lao động.

Tuy nhiên, toàn bộ trách nhiệm của Người bảo hiểm cho các bên được bảo hiểm sẽ không vượt quá tổng hạn mức bồi thường đã được quy định trong Hợp đồng bảo hiểm đối với mỗi một tai nạn hay hàng loạt tai nạn phát sinh từ cùng một sự cố.

**3.** **ĐKBS MR 004 - Bảo hiểm bảo hành mở rộng**

Các bên thỏa thuận và hiểu rằng, với điều kiện là về tất cả các phương diện khác phải tuân theo các điều khoản, điều kiện và các điểm loại trừ quy định trong Bảo hiểm này hoặc được bổ sung thêm vào Bảo hiểm này, và với điều kiện Người được bảo hiểm đã trả thêm số phí bổ sung theo thỏa thuận, Điều khoản bổ sung này sẽ mở rộng phạm vi bảo hiểm cho thời gian bảo hành được quy định cụ thể trong điều khoản này để bảo hiểm cho những tổn thất hoặc thiệt hại đối với công trình được bảo hiểm trong những trường hợp sau:

- Do các nhà thầu được bảo hiểm gây ra khi tiến hành công tác bảo hành theo quy định trong điều khoản của hợp đồng xây dựng.

- Xảy ra trong giai đoạn bảo hành, với điều kiện các tổn thất hoặc thiệt hại trên công trường với nguyên nhân được bắt nguồn từ trong giai đoạn xây dựng trước khi chứng chỉ hoàn thành cấp cho các hạng mục bị tổn thất hoặc thiệt hại đó được ban hành.

**Thời hạn bảo hành**: **24 tháng.**

**4.** **ĐKBS MR 005** **- Điều kiện đặc biệt liên quan tới tiến độ xây dựng/lắp đặt**

Các bên thỏa thuận và hiểu rằng, với điều kiện là về tất cả các phương diện khác phải tuân theo các điều khoản, điều kiện và các điểm loại trừ quy định trong Bảo hiểm này hoặc được bổ sung thêm vào Bảo hiểm này, những quy định sau đây sẽ được áp dụng khi tiến hành bảo hiểm cho công trình này:

Quy trình tiến độ thi công xây/lắp cùng với các văn bản do Người được bảo hiểm đưa ra nhằm mục đích có được Bảo hiểm này cũng như các tài liệu về kỹ thuật được cung cấp cho Người bảo hiểm sẽ được xem là một bộ phận cấu thành của Hợp đồng bảo hiểm.

Người bảo hiểm sẽ không bồi thường cho Người được bảo hiểm đối với các tổn thất hay thiệt hại gây nên bởi hoặc phát sinh từ hoặc trầm trọng thêm do tiến độ thi công xây/lắp bị kéo dài vượt quá thời gian quy định dưới đây, trừ khi Người bảo hiểm đã được thông báo và chấp nhận bằng văn bản việc kéo dài tiến độ thi công này trước khi xảy ra tổn thất.

**Thời gian quy định cho việc kéo dài tiến độ thi công: 90 ngày.**

**5.** **ĐKBS MR 006** **- Điều khoản bảo hiểm chi phí làm thêm giờ, làm đêm, làm vào ngày lễ, chi phí vận chuyển tốc hành**

Các bên thỏa thuận và hiểu rằng, với điều kiện là tất cả các phương diện khác phải tuân theo các điều khoản, điều kiện và các điểm loại trừ quy định trong Bảo hiểm này hoặc bổ sung vào Bảo hiểm này và với điều kiện là Người được bảo hiểm đã trả thêm sốphí bảo hiểm bổ sung theo thỏa thuận, Điều khoản bổ sung này sẽ mở rộng phạm vi bảo hiểm cho các khoản chi phí phụ về làm thêmgiờ, làm đêm, làm ngày lễ và cước phí chuyển phát nhanh (trừ cước phí hàng không).

Luôn với điều kiện là các chi phí phát sinh thêm đó phải liên quan đến tổn thất hoặc thiệt hại của hạng mục được bảo hiểm mà có thể được bồi thường theo Bảo hiểm này.

Nếu Số tiền bảo hiểm của hạng mục bị tổn thất nhỏ hơn số tiền yêu cầu được bảo hiểm thì số tiền bồi thường theo Điều khoản bổ sung này đối với khoản chi phí phụ đó sẽ được giảm theo tỷ lệ tương ứng.

**Giới hạn trách nhiệm: 10.000.000.000 VNĐ/mỗi và mọi vụ tổn thất.**

**6.** **ĐKBS MR 007** **- Điều khoản bảo hiểm cho chi phí vận chuyển hàng không**

Các bên thỏa thuận và hiểu rằng, với điều kiện là về tất cả các phương diện khác phải tuân theo các điều khoản, điều kiện và các điểm loại trừ quy định trong Bảo hiểm này hoặc bổ sung vào Bảo hiểm này và với điều kiện là Người được bảo hiểm đã trả thêm số phí bổ sung theo thỏa thuận, Điều khoản bổ sung này sẽ mở rộng phạm vi bảo hiểm đối với chi phí phụ về cước phí vận chuyển bằng đường không.

Luôn với điều kiện là chi phí phụ đó phải liên quan đến tổn thất hay thiệt hại của các hạng mục được bảo hiểm mà có thể được bồi thường theo Bảo hiểm này.

Cùng với điều kiện là số tiền bồi thường theo Điều khoản bổ sung này về cước phí hàng không sẽ không vượt quá số tiền quy định dưới đây trong suốt thời hạn bảo hiểm.

**Giới hạn trách nhiệm: 10.000.000.000 VNĐ/mỗi và mọi vụ tổn thất.**

**7. ĐKBS MR 013 – Tài sản lưu kho ngoài công trường**

Các bên thỏa thuận và hiểu rằng, với điều kiện là về tất cả các phương diện khác phải tuân theo các điều khoản, các điểm loại trừ và các điều kiện được quy định trong Bảo hiểm này hoặc bất kỳ sửa đổi bổ sung nào, và với điều kiện là Người được bảo hiểm đã trả thêm số phí bổ sung theo thỏa thuận, phần I của Bảo hiểm này sẽ mở rộng để bảo hiểm cho các tổn thất hoặc thiệt hại đối với tài sản được bảo hiểm (trừ các tài sản đang được chế tạo, chế biến hoặc được lưu tại địa điểm kho của nhà sản xuất, nhà cung cấp hoặc nhà phân phối) đang được lưu kho ngoài khu vực công trường trong giới hạn khu vực lãnh thổ được nêu dưới đây.

Người bảo hiểm sẽ không bồi thường cho Người được bảo hiểm đối với các tổn thất hoặc thiệt hại do sơ xuất trong việc áp dụng các biện pháp đề phòng hạn chế tổn thất thông thường đã được quy định cho các nhà kho. Các biện pháp đó bao gồm cụ thể như sau:

- Đảm bảo rằng khu vực kho chứa phải là khép kín (là một tòa nhà hoặc ít nhất cũng có tường bao), được bảo vệ, có biện pháp phòng chống cháy phù hợp với các khu vực điển hình hoặc các tài sản chứa trong kho;

- Ngăn cách giữa các kho chứa bởi tường chống cháy hoặc khoảng cách giữa chúng ít nhất 50m;

- Thiết kế và bố trí kho chứa sao cho có thể ngăn ngừa tổn thất do nước dâng cao, ngập lụt do mưa hoặc lũ lụt dựa theo số liệu thống kê trong vòng 20 năm;

- Giới hạn giá trị tài sản trong mỗi kho chứa.

**Giới hạn trách nhiệm: 10.000.000.000 VNĐ/kho.**

# 8. ĐKBS MR 102 - Điều kiện đặc biệt liên quan tới các đường cáp ngầm, đường ống ngầm và các thiết bị ngầm khác

Các bên thỏa thuận và hiểu rằng, với điều kiện phải tuân theo các điều khoản, điều kiện và các điểm loại trừ quy định trong Bảo hiểm này hoặc được bổ sung vào Bảo hiểm này, Điều khoản bổ sung này quy định rằng: Người bảo hiểm sẽ chỉ bồi thường cho Người được bảo hiểm các tổn thất hoặc thiệt hại đối với các đường cáp và/hoặc ống ngầm và/hoặc các thiết bị ngầm khác sẵn có trên khu vực công trường, nếu Người được bảo hiểm trước khi tiến hành thi công xây dựng đã tìm hiểu và nắm được đầy đủ và chính xác sơ đồ về các tuyến cáp, ống ngầm hay các thiết bị ngầm khác thông qua các nhà chức trách có thẩm quyền liên quan và đã đề ra các biện pháp cần thiết để đề phòng, hạn chế tổn thất cho các công trình ngầm này trong khi thi công.

Việc bồi thường cho các tổn thất hoặc thiệt hại của các công trình ngầm có sẵn mà vị trí của nó đã được chỉ rõ trong sơ đồ (bản vẽ xác định vị trí của các công trình ngầm) thì mức khấu trừ trong trường hợp này sẽ là 20% giá trị của tổn thất hoặc mức khấu trừ ở điểm a) dưới đây sẽ được áp dụng, tùy thuộc vào giá trị nào lớn hơn.

Việc bồi thường cho các tổn thất của các công trình ngầm sẵn có mà vị trí của nó chưa được nêu chính xác thì sẽ áp dụng mức khấu trừ ở điểm b) dưới đây.

Trong bất kỳ trường hợp nào, trách nhiệm bồi thường của Người bảo hiểm chỉ giới hạn trong việc sửa chữa, khắc phục các đường cáp, ống ngầm hoặc thiết bị ngầm khác này và bất kỳ các thiệt hại là hậu quả hay khoản tiền phạt đều không thuộc trách nhiệm bồi thường của Người bảo hiểm.

**Giới hạn trách nhiệm: 10.000.000.000 VNĐ/mỗi và mọi vụ tổn thất.**

**9.** **ĐKBS MR** **109** **- Cam kết liên quan đến vật liệu xây dựng**

Các bên thoả thuận và hiểu rằng, với điều kiện là về tất cả các phương diện khác phải tuân theo các điều khoản, điều kiện và các điểm loại trừ quy định trong Bảo hiểm này hoặc được bổ sung thêm vào Bảo hiểm này, Người bảo hiểm chỉ bồi thường cho Người được bảo hiểm đối với tổn thất, thiệt hại hay trách nhiệm trực tiếp hoặc gián tiếp gây ra cho vật liệu xây dựng bởi lũ lụt nếu số lượng nguyên vật liệu như vậy không vượt quá nhu cầu sử dụng được lưu kho trước ba ngày và các số lượng vật liệu vượt quá đó phải được để ở những khu vực không có nguy cơ bị lụt trong vòng 20 năm.

# 10. ĐKBS MR 110 - Điều kiện đặc biệt về các biện pháp an toàn đối với mùa mưa lũ

Các bên thỏa thuận và hiểu rằng, với điều kiện phải tuân theo các điều khoản, các điểm loại trừ, các điều kiện quy định trong Bảo hiểm này hoặc được bổ sung thêm vào Bảo hiểm này, Người bảo hiểm sẽ chỉ bồi thường cho Người được bảo hiểm về tổn thất, thiệt hại hay trách nhiệm trực tiếp hay gián tiếp gây ra bởi mưa, lũ và lụt nếu như các biện pháp an toàn đầy đủ đã được thực hiện trong khi thiết kế và thi công công trình.

Các biện pháp an toàn đầy đủ có nghĩa là các thông tin về mưa, lũ và lụt tại khu vực được bảo hiểm cũng như trong toàn bộ thời gian bảo hiểm của công trình đã được xem xét kỹ lưỡng dựa trên cơ sở thống kê số liệu với chu kỳ 20 năm do Cơ quan khí tượng thủy văn cung cấp.

Các tổn thất, thiệt hại hay trách nhiệm phát sinh do việc Người được bảo hiểm không di chuyển ngay các chướng ngại vật (như đất, cát, cây cối) khỏi dòng chảy của nước trong địa bàn công trường, cho dù là có nước hay không để duy trì sự thông thoáng của dòng chảy thì sẽ không được bồi thường.

# 11. ĐKBS MR 112 - Điều kiện đặc biệt về các thiết bị chống cháy và an toàn về cháy trên công trường

Các bên thỏa thuận và hiểu rằng, với điều kiện phải tuân theo các điều khoản, các điểm loại trừ, các điều kiện quy định trong Bảo hiểm này hoặc được bổ sung vào Bảo hiểm này, Người bảo hiểm sẽ chỉ bồi thường cho Người được bảo hiểm những mất mát hay tổn thất do cháy hoặc nổ trực tiếp hay gián tiếp gây ra, với điều kiện luôn bảo đảm rằng:

1. Luôn chú trọng tới việc trang bị đầy đủ các phương tiện phòng chống cháy và có lực lượng chữa cháy thích hợp và đảm bảo các phương tiện này luôn trong trong tình trạng hoạt động tốt trong suốt quá trình thi công.

Họng chứa nước luôn hoạt động tốt cần thiết phải được đặt ở mọi nơi và để ở mức cao hơn mức quy định cao nhất cho công việc thi công hiện tại. Các họng này được chốt lại bằng khóa vòi tạm thời.

2. Các hộp chứa vòi cứu hoả và thiết bị cứu hoả di động phải được kiểm tra theo chu kỳ thường xuyên, ít nhất là 2 lần một tuần.

3. Tùy theo quy định hiện hành, các thiết bị chống cháy (tường, cửa...) phải được lắp đặt càng sớm càng tốt ngay sau khi tháo dỡ cốp pha.

Các lỗ đục trên tường để lắp tời, đường thông, lắp dây điện và các lỗ trống tạm thời khác phải được bịt kín càng sớm càng tốt không thể muộn hơn thời điểm bắt đầu thực hiện công tác hoàn thiện.

4. Vật liệu phế thải phải thường xuyên được thu dọn. Tất cả các tầng trong giai đoạn hoàn thiện đều phải dọn sạch các chất thải dễ cháy hàng ngày vào cuối buổi làm việc.

5. Phải quy định thực hiện nội quy đảm bảo an toàn đối với tất cả các nhà thầu khi tiến hành bất kỳ công việc nào có sử dụng nhiệt dưới mọi hình thức, bao gồm nhưng không giới hạn các công việc:

* các công việc mài, cắt hoặc hàn
* sử dụng đèn hàn hoặc mỏ hàn
* Sử dụng nhựa đường nóng hoặc bất kỳ hoạt động nào làm phát sinh nhiệt.

"Công việc sử dụng nhiệt" chỉ được tiến hành khi có mặt ít nhất một công nhân được trang bị thiết bị phòng cháy và đã qua huấn luyện về công tác PCCC.

Các khu vực liên quan đến bất kỳ "công việc sử dụng nhiệt" nào đều phải được kiểm tra trong vòng một tiếng sau khi công việc đó đã kết thúc.

6. Kho nguyên vật liệu dùng cho xây dựng hoặc lắp đặt sẽ được chia thành các đơn vị kho các nhau, với giá trị nguyên vật liệu của mỗi kho không vượt quá giá trị được ấn định như dưới đây.

Các kho độc lập phải đặt cách nhau ít nhất 50 m hoặc được ngăn bởi tường chịu lửa.

Tất cả nguyên vật liệu dễ cháy, đặc biệt các chất lỏng và ga dễ cháy sẽ phải được chứa trong kho đặt ở một khoảng cách đủ đảm bảo an toàn đối với tài sản đang trong quá trình xây dựng hoặc lắp đặt và khu vực có thực hiện bất kỳ công việc sử dụng nhịêt.

7. Chỉ định một chuyên viên chịu trách nhiệm (chuyên trách) giám sát việc đảm bảo an toàn PCCC tại địa điểm công trường.

Phải lắp đặt hệ thống báo cháy đủ tin cậy và duy trì đường dây liên lạc trực tiếp với đội cứu hỏa gần nhất vào bất cứ lúc nào có thể.

Sơ đồ PCCC và kế hoạch hành động tại công trường khi có cháy xảy ra phải được triển khai và cập nhật thường xuyên.

Công nhân viên của nhà thầu thi công phải được huấn luyện về công tác PCCC và các buổi diễn tập về PCCC phải được tiến hành hàng tuần.

Đội cứu hỏa gần nhất phải nắm rõ địa hình công trường và duy trì khả năng tiếp cận công trình ngay lập tức ở mọi thời điểm.

8. Công trình phải được rào chẵn kỹ và mọi việc ra vào công trình đều phải được kiểm tra.

# 12. ĐKBS MR 113 - Điều khoản bảo hiểm cho việc vận chuyển nội địa

Các bên thoả thuận và hiểu rằng, với điều kiện là về tất cả các phương diện khác phải tuân theo các điều khoản, điều kiện và các điểm loại trừ quy định trong Bảo hiểm này hoặc được bổ sung vào Bảo hiểm này, và với điều kiện là Người được bảo hiểm đã trả thêm số phí bổ sung theo thoả thuận, Phần I của Bảo hiểm này sẽ được mở rộng để bồi thường đối với trường hợp tổn thất hay thiệt hại gây ra cho tài sản được bảo hiểm trong quá trình vận chuyển, mà không phải là vận chuyển bằng đường thuỷ hoặc đường hàng không đến công trường theo hợp đồng trong phạm vi giới hạn lãnh thổ Việt Nam, số tiền bồi thường tối đa có thể được thanh toán theo quy định của Điều khoản bổ sung này sẽ không vượt quá **10.000.000.000 VNĐ** đối với mỗi chuyến hàng.

# 13. ĐKBS MR 115 - Điều khoản về rủi ro thiết kế

Các bên thỏa thuận và hiểu rằng, với điều kiện phải tuân theo các điều khoản, các điểm loại trừ, các điều kiện quy định trong Bảo hiểm này hoặc được bổ sung vào Bảo hiểm này, và với điều kiện là Người được bảo hiểm đã trả thêm số phí bổ sung theo thỏa thuận, điểm loại trừ “c” trong phần các "Điểm loại trừ đặc biệt" của phần I - Bảo hiểm này sẽ bị xoá bỏ và điểm loại trừ “d” sẽ được sửa đổi bằng nội dung sau:

“d”Những chi phí thay thế, sửa chữa, chỉnh lý đối với các hạng mục bị tổn thất hoặc thiệt hại gây ra bởi khuyết tật của nguyên vật liệu /hoặc tay nghề công nhân/ hoặc lỗi thiết kế, song điểm loại trừ này sẽ chỉ áp dụng đối với các hạng mục bị tác động trực tiếp *(tổn thất trực tiếp)* và sẽ không bị coi là loại trừ đối với các hạng mục đã được thực hiện hoàn chỉnh không có khiếm khuyết nhưng bị tổn thất hay hư hại gây ra bởi khuyết tật của nguyên vật liệu/hoặc tay nghề công nhân/hoặc lỗi thiết kế đó *(tổn thất gián tiếp).*

Giới hạn trách nhiệm: 10.000.000.000 VNĐ/mỗi và mọi vụ tổn thất.

# 14. ĐKBS MR 116 - Bảo hiểm các hạng mục đã bàn giao hoặc đưa vào sử dụng

Các bên thoả thuận và hiểu rằng, với điều kiện là về tất cả các phương diện khác phải tuân theo các điều khoản, điều kiện và các điểm loại trừ quy định trong Bảo hiểm này hoặc được bổ sung vào Bảo hiểm này, và với điều kiện là Người được bảo hiểm đã trả phí bổ sung theo thoả thuận, Điều khoản bổ sung này sẽ được mở rộng để bảo hiểm cho:

- Tổn thất hoặc thiệt hại đối với các hạng mục của công trình được bảo hiểm đã bàn giao và đưa vào sử dụng nếu tổn thất hoặc thiệt hại như vậy bắt nguồn từ công việc xây dựng các hạng mục được bảo hiểm theo Phần I của Bảo hiểm này và xảy ra trong thời hạn bảo hiểm.

**15. ĐKBS MR 119** **- Điều khoản bảo hiểm cho những tài sản thuộc sở hữu hoặc quyền trông coi, kiểm soát của chủ đầu tư trên công trường**

Các bên thoả thuận và hiểu rằng, với điều kiện là về tất cả các phương diện khác, phải tuân theo các điều khoản, điều kiện và các điểm loại trừ quy định trong Bảo hiểm này hoặc được bổ sung vào Bảo hiểm này, và với điều kiện là Người được bảo hiểm đã trả phí bổ sung theo thoả thuận, Phần I của Bảo hiểm này sẽ được mở rộng bồi thường cho những thiệt hại hoặc tổn thất xảy ra đối với Tài sản có sẵn của chủ đầu tư hoặc thuộc quyền sở hữu, trông coi, kiểm soát của Người được bảo hiểm gây ra bởi hoặc phát sinh từ công việc xây dựng hoặc lắp đặt các hạng mục được bảo hiểm ở phần I

Người bảo hiểm sẽ chỉ bồi thường cho Người được bảo hiểm đối với những thiệt hại hoặc tổn thất xảy ra đối với tài sản được bảo hiểm nêu trên với điều kiện là trước khi bắt đầu tiến hành công việc xây dựng, các tài sản đó phải ở trong tình trạng tốt và các biện pháp an toàn cần thiết đã được tiến hành.

Trong trường hợp bị mất mát hay tổn thất do những chấn động gây ra hoặc do các bộ phận chống đỡ bị dịch chuyển hoặc suy yếu thì Người bảo hiểm sẽ chỉ bồi thường cho Người được bảo hiểm các mất mát hoặc tổn thất là hậu quả của việc sụp đổ một phần hay toàn bộ của các tài sản được bảo hiểm, nhưng không bồi thường cho những rạn nứt bề mặt mà không làm suy yếu độ bền vững của tài sản được bảo hiểm hoặc gây nguy hiểm cho người sử dụng chúng.

Người bảo hiểm sẽ không bồi thường cho Người được bảo hiểm đối với:

- mất mát hoặc tổn thất có thể lường trước nếu xét theo bản chất của công việc xây dựng hoặc cách thức thực hiện công việc đó.

- chi phí để thực hiện các biện pháp cần thiết để đề phòng hạn chế tổn thất trong suốt thời gian bảo hiểm.

Giới hạn trách nhiệm: 10.000.000.000 VNĐ/mỗi và mọi vụ tổn.

**16. ĐKBS MR 120** **- Điều khoản chấn động, di chuyển hoặc cột chống bị suy yếu các bộ phận chống đỡ**

Các bên thoả thuận và hiểu rằng, với điều kiện là về tất cả các phương diện khác, phải tuân theo các điều khoản, điều kiện và các điểm loại trừ quy định trong Bảo hiểm này hoặc được bổ sung vào Bảo hiểm này, và với điều kiện là Người được bảo hiểm đã trả phí bổ sung theo thoả thuận, Phần II của Bảo hiểm này sẽ mở rộng bồi thường những trách nhiệm là hậu quả của những tổn thất hay thiệt hại xảy ra do chấn động, hoặc do bộ phận chống đỡ bị di chuyển hoặc suy yếu.

Với điều kiện rằng:

- Người bảo hiểm sẽ chỉ bồi thường cho Người được bảo hiểm về những trách nhiệm đối với tài sản, đất đai hoặc nhà cửa bị tổn thất hoặc thiệt hại do hậu quả của việc sụp đổ toàn bộ hoặc một phần.

- Người bảo hiểm sẽ chỉ bồi thường cho Người được bảo hiểm về trách nhiệm đối với tổn thất hoặc thiệt hại của tài sản, đất đai hoặc nhà cửa nếu như trước khi tiến hành công việc xây dựng những tài sản đó ở trong điều kiện tốt và đã thực hiện các biện pháp phòng ngừa thiệt hại cần thiết.

- Nếu được yêu cầu, trước khi công việc xây dựng bắt đầu Người được bảo hiểm bằng chi phí của mình phải chuẩn bị bản báo cáo về tình trạng của bất cứ tài sản, đất đai hoặc nhà cửa nào nằm trong khu vực nguy hiểm.

Người bảo hiểm sẽ không bồi thường cho Người được bảo hiểm về trách nhiệm đối với:

- Mất mát hoặc tổn thất có thể lường trước nếu xét theo bản chất của công việc xây dựng hoặc cách thức thực hiện công việc đó.

- Tổn thất bề mặt không làm suy yếu độ bền vững của tài sản, đất đai, cũng như nhà cửa và không gây nguy hiểm cho người sử dụng chúng.

- Chi phí để thực hiện các biện pháp cần thiết để đề phòng hạn chế tổn thất trong suốt thời gian bảo hiểm.

Giới hạn trách nhiệm: 10.000.000.000 VNĐ/mỗi và mọi vụ tổn thất.

**17.** **ĐKBS MR** **121** **- Các điều kiện đặc biệt liên quan đến công tác đóng cọc móng và tường hãm**

Các bên thoả thuận và hiểu rằng, với điều kiện là về tất cả các phương diện khác phải tuân theo các điều khoản, điều kiện và các điểm loại trừ quy định trong Bảo hiểm này hoặc được bổ sung vào Bảo hiểm này, Người bảo hiểm sẽ không bồi thường cho Người được bảo hiểm đối với các chi phí phát sinh:

1. để thay thế hoặc điều chỉnh các cọc hoặc các cấu kết của tường chẵn mà:

1. bị đặt sai vị trí hoặc bị lệch hay bị kẹt trong quá trình thi công;
2. bị mất hoặc bị bỏ quên hoặc bị thiệt hại trong quá trình đóng hoặc rút cọc hoặc;
3. gây cản trở do tắc ngẽn hoặc làm tổn hại đến các thiết bị đóng cọc hoặc ống chống.

2. điều chỉnh các tấm chẵn đã bị mất liên kết hoặc tháo rời ra,

3. sửa chữa bất kỳ lỗi rò rỉ hoặc thẩm thấu của bất kỳ loại vật liệu nào,

4. san lấp các chỗ trống hoặc thay thế sét bentonite bị mất,

5. do hậu quả của bất kỳ chi tiết nào của cọc hay móng không đạt tiêu chuẩn về thử sức chịu tải hay nói cách khác là đã không đạt khả năng chịu tải theo thiết kế.

6. phục hồi các kích thước hoặc hình dạng

Điều khoản bổ sung này sẽ không áp dụng cho tổn thất hay thiệt hại gây ra bởi các rủi ro thiên tai. Nghĩa vụ chứng minh rằng các tổn thất hay thiệt hại đó thuộc phạm vi được bảo hiểm sẽ thuộc về Người được bảo hiểm.

# 18. ĐKBS - ĐIỀU KHOẢN BẢO HIỂM CHO THIỆT HẠI TRỰC TIẾP DO BOM, MÌN, MÌN NỔ CHẬM, PHÁT NỔ GÂY RA TRONG QUÁ TRÌNH THI CÔNG

Các bên thoả thuận và hiểu rằng tổn thất hay thiệt hại gây ra bởi bom chưa phá, mìn đất, đạn hay những dụng cụ chiến tranh để lại dưới lòng đất trước khi bắt đầu xây dựng, có liên quan tới dự án sẽ không được coi như là “rủi ro chiến tranh” bị loại trừ trong các điểm loại trừ chung của Bảo hiểm này.

Tuy nhiên, Điều khoản này sẽ chỉ mở rộng bồi thường cho những tổn thất nêu trên, với điều kiện công trường đã được thẩm tra và được cấp giấy chứng nhận đã rà soát bom mìn bới cơ quan có thẩm quyền.

Giới hạn trách nhiệm: 10.000.000.000 VNĐ/mỗi và mọi vụ tổn thất.

# 19. ĐKBS - ĐIỀU KHOẢN BẢO HIỂM CHO CHI PHÍ CHUYÊN GIA

Các bên thoả thuận và đồng ý rằng bảo hiểm theo đơn này sẽ được mở rộng đối với các chi phí thuê kiến trúc sư, giám định viên và chuyên gia tư vấn và kỹ thuật viên (nhưng không vượt quá phạm vi đã quy định trong các văn bản pháp quy của Chính quyền, và Cơ quan chức trách hiện hành tại thời điểm phát sinh tổn thất) mà Người được bảo hiểm phải chi trả để ước lượng, lập sơ đồ, định lượng, lập danh mục tài sản, mở thầu và kiểm soát trong quá trình khôi phục tài sản sau khi xảy ra cháy hoặc các rủi ro được bảo hiểm theo đơn này (nhưng không áp dụng đối với chi phí lập hồ sơ khiếu nại).

Giới hạn trách nhiệm: 10.000.000.000 VNĐ/mỗi và mọi vụ tổn thất.

# 20. ĐKBS - ĐIỀU KHOẢN BẢO HIỂM CHI PHÍ DỌN DẸP HIỆN TRƯỜNG

Các bên thỏa thuận và hiểu rằng, với điều kiện là về tất cả các phương diện khác phải tuân theo các Điều khoản, điều kiện và các điểm loại trừ được quy định trong Đơn bảo hiểm này hoặc được bổ sung vào Đơn bảo hiểm này, Đơn bảo hiểm này sẽ được mở rộng để bảo hiểm cho các chi phí hay phí tổn cần thiết mà Người được bảo hiểm phải chịu với sự đồng ý của Doanh nghiệp bảo hiểm trong việc

1. Thu dọn hiện trường
2. Tháo dời và/hay phá hủy một hay nhiều bộ phận của tài sản được bảo hiểm bị phá hủy hoặc hư hại do các rủi ro bảo hiểm gây ra
3. Gia cố trụ chống hoặc rào bảo vệ

Tiếp theo những tổn thất thiệt hại đối với công trình trong Hợp đồng mà người được bảo hiểm được bồi thường theo hợp đồng bảo hiểm này.

Giới hạn trách nhiệm: 10.000.000.000 VNĐ/mỗi và mọi vụ tổn thất.

21. ĐKBS - ĐIỀU KIỆN ĐẶC BIỆT LIÊN QUAN ĐẾN RỦI RO ƯỚT

Các bên thỏa thuận và hiểu rằng, với điều kiện là các phương diện khác phải tuân theo các điều khoản, điều kiện và các điểm loại trừ quy định trong đơn bảo hiểm hoặc đã được bổ sung vào đơn bảo hiểm, người bảo hiểm sẽ chỉ bồi thường cho Người được bảo hiểm các tổn thất hoặc trách nhiệm trực tiếp hay gián tiếp gây ra bởi mưa, bão (vận tốc gió không quá 62Km/h), lũ và lụt nếu như các biện pháp an toàn đã được thực hiện đầy đủ trong khi thiết kế và thi công công trình.

Các biện pháp an toàn được thực hiện đây đủ phải tính đến tình hình mưa, bão, lũ và lụt tại khu vực được bảo hiểm và trong toàn bộ thời gian bảo hiểm trên cơ sở đã được xem xét kỹ lưỡng các số liệu thống kê với chu kỳ 10 năm do cơ quan khí tượng thủy văn cung cấp .

Các tổn thất hay trách nhiệm phát sinh do Người được bảo hiểm không di chuyển ngay các chướng ngại vật (như đất cát, cây cối) khơi dòng chảy của nước dù là có nước hay không thể duy trì sự thông thoáng của dòng chảy thì sẽ không được bồi thường.

# 22. ĐKBS - ĐIỀU KHOẢN ĐIỀU CHỈNH THỜI GIAN

Các bên thoả thuận rằng mọi tổn thất về hay thiệt hại đối với Tài Sản Được Bảo Hiểm phát sinh trong khoảng thời gian 72 tiếng đồng hồ liên tục gây ra bởi bão, giông, lụt hay động đất sẽ được coi là một sự kiện và sẽ được coi là một tổn thất để áp dụng các khoản miễn thường có khấu trừ được qui định trong đơn. Để phục vụ cho mục tiêu nêu trên, thời điểm bắt đầu của 72 tiếng sẽ do Người được bảo hiểm quyết định. Tuy nhiên, các bên thỏa thuận và hiểu rằng sẽ không có sự trùng lặp giữa bất kỳ hai hoặc nhiều khoảng thời gian 72 tiếng liên tục như vậy trong trường hợp tổn thất xảy ra dài hơn thời gian 72 tiếng đã qui định.

# 23. ĐKBS - ĐIỀU KHOẢN CHỈ ĐỊNH GIÁM ĐỊNH VIÊN ĐỘC LẬP

Các bên thống nhất rằng các tổn thất phát sinh theo Đơn này, trong trường hợp cần thiết, sẽ được giám định bởi công ty đánh giá tổn thất được thống nhất đề cử bởi Người được bảo hiểm, Doanh nghiệp bảo hiểm tại thời điểm xảy ra tổn thất.

**24. ĐKBS -** **ĐIỀU KHOẢN TÀI LIỆU VÀ BẢN VẼ**

Trong trường hợp có tổn thất về hoặc thiệt hại đến Sơ Đồ Thiết Kế, Tài liệu và Hồ sơ lưu trữ bao gồm cả hồ sơ lưu trữ trong máy vi tính của Người được bảo hiểm trong Giới hạn địa lý do một rủi ro được bảo hiểm gây ra, Đơn bảo hiểm này sẽ bồi thường cho Người được bảo hiểm toàn bộ những chi phí cần thiết và hợp lý phát sinh để có thể tạo lập lại những Sơ Đồ Thiết Kế, Tài liệu và Hồ sơ lưu trữ đó bao gồm cả những thông tin kỹ thuật được bao hàm trong đó, tới mức độ tương ứng với chi phí ban đầu mà Tổng dự toán công trình cho phép.

Giới hạn trách nhiệm: 10.000.000.000 VNĐ/mỗi và mọi vụ tổn thất.

**25. ĐKBS -** **ĐIỀU KHOẢN TẠM ỨNG BỒI THƯỜNG**

Các bên thống nhất và hiểu rằng trong trường hợp có tổn thất được bồi thường theo hợp đồng bảo hiểm này thì Doanh nghiệp bảo hiểm sẽ tạm ứng tối đa 50% giá trị tổn thất ước tính cho Người được bảo hiểm sau khi nhận được bản báo cáo sơ bộ của Công ty Giám Định Tổn thất (nếu có chỉ định công ty giám định tổn thất); với điều kiện là khoản thanh toán đó phải được trừ vào khoản thanh toán bồi thường cuối cùng.

**26. ĐKBS -** **ĐIỀU KHOẢN BẢO HIỂM CHO CHI PHÍ KHIẾU NẠI VÀ CHUẨN BỊ HỒ SƠ BỒI THƯỜNG**

Bảo hiểm theo Đơn bảo hiểm này được giới hạn đối với:

a) Chi phí soạn thảo lại tài liệu nhưng chỉ bồi thường giá trị của nguyên vật liệu cùng với chi phí hành chính để soạn thảo lại những tài liệu đó.

b) Chi phí hợp lý mà Người được bảo hiểm đã bỏ ra để tạo lập và chứng thực những thông tin do Người bảo hiểm yêu cầu theo điều kiện của Đơn bảo hiểm này.

Giới hạn trách nhiệm: 1.000.000.000 VNĐ/mỗi và mọi vụ tổn thất

Phần thứ ba. YÊU CẦU VỀ HỢP ĐỒNG

**Chương V.ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Định nghĩa** | Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:  1.1. “Chủ đầu tư” là tổ chức được quy định tại **ĐKCT**;  1.2. “Hợp đồng” là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo;  1.3. “Nhà thầu” là Nhà thầu trúng thầu (có thể là Nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại **ĐKCT**;  1.4. “Nhà thầu phụ” là một cá nhân hay tổ chức có tên trong danh sách các nhà thầu phụ do nhà thầu chính đề xuất trong HSĐX hoặc nhà thầu thực hiện các phần công việc mà nhà thầu chính đề xuất trong HSĐX; ký Hợp đồng với nhà thầu chính để thực hiện một phần công việc trong Hợp đồng theo nội dung đã kê khai trong HSĐX được Chủ đầu tư chấp thuận;  1.5. “Tài liệu Hợp đồng” nghĩa là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng;  1.6. “Giá hợp đồng” là tổng số tiền ghi trong hợp đồng cho việc cung cấp dịch vụ. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có);  1.7. “Ngày” là ngày dương lịch; tháng là tháng dương lịch;  1.8. “Dịch vụ phi tư vấn” bao gồm một hoặc một số hoạt động: logistics, bảo hiểm, quảng cáo, lắp đặt, nghiệm thu chạy thử, tổ chức đào tạo, bảo trì, bảo dưỡng, vẽ bản đồ và hoạt động khác không phải là dịch vụ tư vấn quy định tại khoản 8 Điều 4 Luật Chào hàng cạnh tranh;  1.10. “Hoàn thành” là việc Nhà thầu hoàn tất các nội dung công việc theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng và được Chủ đầu tư chấp thuận;  1.11. “Địa điểm cung cấp dịch vụ” là địa điểm được quy định tại **ĐKCT**;  1.12. “Bên” là Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu, tùy từng trường hợp. |
| **2. Thứ tự ưu tiên** | Các tài liệu cấu thành hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây:  2.1. Hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;  2.2. Thư chấp thuận HSĐX và trao hợp đồng;  2.3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;  2.4. ĐKCT;  2.5. ĐKC;  2.6. HSĐX và các văn bản làm rõ HSĐX của Nhà thầu;  2.7. HSYC và các tài liệu sửa đổi HSYC (nếu có);  2.8. Các tài liệu khác quy định tại **ĐKCT**. |
| **3. Luật và ngôn ngữ** | 3.1. Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam;  3.2. Ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt. |
| **4. Ủy quyền** | Trừ khi có quy định khác nêu tại **ĐKCT**, Chủ đầu tư có thể ủy quyền thực hiện bất kỳ trách nhiệm nào của mình cho người khác, sau khi thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu và có thể rút lại quyết định ủy quyền sau khi đã thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu. |
| **5. Thông báo** | 5.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ quy định tại **ĐKCT**.  5.2. Thông báo của một bên sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn. |
| **6. Bảo đảm thực hiện hợp đồng** | 6.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp lên Chủ đầu tư không muộn hơn ngày quy định tại Thư chấp thuận HSĐX và trao hợp đồng. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được áp dụng theo hình thức, giá trị và hiệu lực quy định tại **ĐKCT**.  6.2. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại **ĐKCT**. |
| **7. Nhà thầu phụ** | Không áp dụng |
| **8. Giải quyết tranh chấp** | 8.1. Chủ đầu tư và Nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.  8.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian quy định quy định tại **ĐKCT** kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được quy định tại **ĐKCT**. |
| **9. Phạm vi bảo hiểm** | Dịch vụ bảo hiểm phải được cung cấp theo quy định tại Chương V - Phạm vi bảo hiểm được đính kèm thành Phụ lục và là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm các loại dịch vụ mà Nhà thầu phải cung cấp và đơn giá của các loại dịch vụ đó. |
| **10. Tiến độ cung cấp bảo hiểm** | Tiến độ cung cấp dịch vụ bảo hiểm và thời gian dự kiến hoàn thành phải được thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương V - Phạm vi bảo hiểm. |
| **11. Trách nhiệm của Nhà thầu** | Nhà thầu phải cung cấp dịch vụ bảo hiểm trong phạm vi cung cấp quy định tại Mục 9 ĐKC và theo tiến độ cung cấp dịch vụ bảo hiểm và lịch hoàn thành quy định tại Mục 10 ĐKC. |
| **12. Loại hợp đồng và giá hợp đồng** | 12.1. Loại hợp đồng theo quy định tại **ĐKCT**.  12.2. Giá hợp đồng được ghi tại **ĐKCT** là toàn bộ chi phí để thực hiện hoàn thành việc cung cấp dịch vụ bảo hiểm của gói thầu nêu trong Bảng giá hợp đồng trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của gói thầu. Giá hợp đồng đã bao gồm toàn bộ các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có).  12.3. Bảng giá hợp đồng quy định tại Phụ lục bảng giá hợp đồng là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm phạm vi cung cấp và thành tiền của các hạng mục. |
| **13. Điều chỉnh giá hợp đồng** | Việc điều chỉnh giá hợp đồng thực hiện theo quy định tại **ĐKCT**. |
| **14. Điều chỉnh thuế** | Việc điều chỉnh thuế thực hiện theo quy định tại **ĐKCT**. |
| **16. Thanh toán** | 16.1. Phương thức thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản.  Tiến độ thanh toán phí bảo hiểm được chia thành 2 lần như sau:  Lần 1: Thanh toán 90% phí bảo hiểm ngay sau khi hợp đồng có hiệu lực và theo kế hoạch cấp vốn;  Lần 2: Thanh toán 10% phí bảo hiểm còn lại sau khi công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng và theo kế hoạch cấp vốn.  16.2. Đồng tiền thanh toán là: VND. |
| **17. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng** | 17.1. Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Chủ đầu tư, Nhà thầu không được tiết lộ nội dung của hợp đồng cho bất cứ ai không phải là người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng. Việc Nhà thầu cung cấp các thông tin cho người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng được thực hiện theo chế độ bảo mật và trong phạm vi cần thiết cho việc thực hiện hợp đồng này.  17.2. Các tài liệu, thông tin là sản phẩm của dịch vụ bảo hiểm trong khuôn khổ Hợp đồng thuộc quyền sở hữu của Chủ đầu tư. Nhà thầu có thể giữ lại bản sao của các tài liệu và thông tin này nhưng không được sử dụng vào mục đích khác nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Chủ đầu tư. |
| **18. Phạt và Bồi thường thiệt hại** | 1. Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 19 ĐKC, nếu Nhà thầu không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền bồi thường quy cho mỗi ngày chậm thực hiện hoặc khoảng thời gian khác như thỏa thuận cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện như quy định tại **ĐKCT**. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến % tối đa như quy định tại **ĐKCT**. Khi đạt đến mức tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 23 ĐKC.  2. Trường hợp không kịp thời khắc phục sai sót theo thông báo của Chủ đầu tư, Nhà thầu có trách nhiệm nộp tiền phạt thực hiện hợp đồng tương ứng với % chi phí cần thiết để khắc phục sai sót như quy định tại **ĐKCT**. |
| **19. Bất khả kháng** | 19.1. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các bên, chẳng hạn như: chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch.  19.2. Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.  Trong khoảng thời gian không thể thực hiện hợp đồng do điều kiện bất khả kháng, Nhà thầu theo hướng dẫn của Chủ đầu tư vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng. Trong trường hợp này, Chủ đầu tư phải xem xét để bồi hoàn cho Nhà thầu các khoản phụ phí cần thiết và hợp lý mà họ phải gánh chịu.  19.3. Một bên không hoàn thành nhiệm vụ của mình do trường hợp bất khả kháng sẽ không phải bồi thường thiệt hại, bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng.  Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Mục 8 ĐKC. |
| **20. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng** | 20.1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:  a) Bổ sung hạng mục công việc cần thiết ngoài phạm vi công việc quy định trong hợp đồng;  b) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng;  c) Các nội dung khác quy định tại **ĐKCT**.  20.2. Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng. |
| **21. Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng** | Tiến độ thực hiện hợp đồng chỉ được điều chỉnh trong trường hợp sau đây:  21.1. Trường hợp bất khả kháng, không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng;  21.2. Thay đổi phạm vi cung cấp, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng;  21.3. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng mà không làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì các bên tham gia hợp đồng thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì phải báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quyết định;  21.4. Các trường hợp khác quy định tại **ĐKCT**. |
| **22. Chấm dứt hợp đồng** | 22.1. Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:  a) Nhà thầu không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Chủ đầu tư gia hạn;  b) Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu bị phá sản hoặc phải thanh lý tài sản để tái cơ cấu hoặc sáp nhập;  c) Có bằng chứng cho thấy Nhà thầu đã vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 89 Luật đấu thầu trong quá trình chào hàng cạnh tranh hoặc thực hiện Hợp đồng;  d) Các hành vi khác quy định tại **ĐKCT**.  22.2. Trong trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo điểm a Mục 22.1 ĐKC, Chủ đầu tư có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ đầu tư những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, Nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt và chịu trách nhiệm đối với phần hợp đồng do mình thực hiện.  22.3. Trong trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt hợp đồng theo điểm b Mục 22.1 ĐKC, Chủ đầu tư không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào, Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Chủ đầu tư được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật. |
| **23. Phát hiện sai sót, khắc phục sai sót và Phạt thực hiện hợp đồng** | 23.1. Chủ đầu tư thực hiện đánh giá chất lượng dịch vụ bảo hiểm theo nguyên tắc và cách thức như quy định tại **ĐKCT**. Chủ đầu tư có thể hướng dẫn Nhà thầu tư đánh giá và phát hiện sai sót, kiểm tra nội dung công việc mà Chủ đầu tư cho rằng có thể có sai sót. Thời hạn trách nhiệm đối với sai sót được quy định tại **ĐKCT**.  23.2. Trường hợp phát sinh sai sót trong quá trình Nhà thầu cung cấp dịch vụ bảo hiểm, trước khi kết thúc hợp đồng, Chủ đầu tư thông báo cho Nhà thầu về các sai sót cần khắc phục.  Khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư, Nhà thầu có trách nhiệm kịp thời khắc phục sai sót trong khoảng thời gian hợp lý mà Chủ đầu tư quy định trong thông báo. Trường hợp Nhà thầu không khắc phục xong sai sót trong khoảng thời gian cho phép, Chủ đầu tư sẽ đánh giá chi phí cần thiết để khắc phục sai sót và yêu cầu Nhà thầu thanh toán, đồng thời phạt thực hiện hợp đồng đối với Nhà thầu như quy định tại Mục 18. |
| **24. Nhân sự** | 24.1. Nhà thầu phải huy động tất cả nhân sự như đã đề xuất trong HSĐX để thực hiện các nội dung công việc trừ trường hợp Chủ đầu tư có thỏa thuận khác. Trường hợp cần thiết phải thay đổi nhân sự thì Nhà thầu phải báo cáo và được sự chấp thuận của Chủ đầu tư. Nhân sự thay thế phải có năng lực, kinh nghiệm tương đương hoặc tốt hơn so với nhân sự đã đề xuất trước đó.  24.2. Trường hợp nhân sự mất năng lực hành vi dân sự hoặc không hoàn thành tốt công việc của mình thì Chủ đầu tư có văn bản yêu cầu thay thế. Khi nhận được văn bản yêu cầu thay thế nhân sự của Chủ đầu tư, trong thời gian quy định tại **ĐKCT**, Nhà thầu phải thực hiện thay thế nhân sự có năng lực và kinh nghiệm tương đương hoặc tốt hơn. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do Nhà thầu chịu. |

**Chương VI. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG**

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ **ĐKCT** phải được Bên mời thầu ghi đầy đủ trước khi phát hành HSYC.

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐKC 1.1** | Chủ đầu tư là: \_\_\_*[ghi tên hợp pháp đầy đủ của Chủ đầu tư]*. |
| **ĐKC 1.3** | Nhà thầu: \_\_\_*[ghi tên Nhà thầu trúng thầu].* |
| **ĐK1.11** | Địa điểm cung cấp dịch vụ là: \_\_\_*[ghi tên và thông tin chi tiết về địa điểm].* |
| **ĐKC 2.8** | Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: \_\_\_*[liệt kê tài liệu].* |
| **ĐKC 4** | Chủ đầu tư *[có thể hoặc không thể]* ủy quyền các nghĩa vụ và trách nhiệm của mình cho người khác. |
| **ĐKC 5.1** | Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây:  Người nhận: \_\_\_*[ghi tên đầy đủ của người nhận, nếu có].*  Địa chỉ: \_\_\_*[ghi đầy đủ địa chỉ].*  Điện thoại: \_\_\_*[ghi số điện thoại, bao gồm mã quốc gia và mã thành phố].*  Fax: \_\_\_*[ghi số fax, bao gồm mã quốc gia và mã thành phố]*.  Địa chỉ email: \_\_\_*[ghi địa chỉ email (nếu có)].* |
| **ĐKC 6.1** | - Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng:  *Nhà thầu cung cấp một bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành. Nhà thầu nộp Thư bảo lãnh của Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành theo Mẫu số 19 Chương VII - Biểu mẫu hợp đồng.*  -Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3% giá hợp đồng*.*  - Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi các bên hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng. |
| **ĐKC 6.2** | Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng:  Bên giao thầu sẽ hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng hoặc xác nhận cho Bên nhận thầu để giải tỏa bảo đảm thực hiện hợp đồng ngay sau khi hoặc không chậm hơn 10 ngày kể từ khi bên nhận thầu đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo hợp đồng. |
| **ĐKC 8.2** | - Thời gian để tiến hành hòa giải: *\_\_\_[ghi số ngày tiến hành hòa giải tối đa]*.  - Giải quyết tranh chấp: \_\_\_*[ghi cụ thể thời gian và cơ chế xử lý tranh chấp căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu. Trong đó cần nêu rõ thời gian gửi yêu cầu giải quyết tranh chấp, tổ chức giải quyết tranh chấp, chi phí cho việc giải quyết tranh chấp...].* |
| **ĐKC 12.1** | Loại hợp đồng: *\_\_\_[ghi loại hợp đồng theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt]*. |
| **ĐKC 12.2** | Giá hợp đồng: *\_\_\_[ghi giá hợp đồng theo giá trị nêu trong Thư chấp thuận HSĐX và trao hợp đồng].* |
| **ĐKC 14** | Điều chỉnh thuế: *\_\_\_[ghi “được phép” hoặc “không được phép” áp dụng điều chỉnh thuế. Trường hợp được phép áp dụng điều chỉnh thuế thì ghi: “trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời Nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng”].* |
| **ĐKC 16.1** | Phương thức thanh toán: *\_\_\_[căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể nội dung này. Việc thanh toán cho Nhà thầu có thể quy định thanh toán bằng tiền mặt, thư tín dụng, chuyển khoản... số lần thanh toán là nhiều lần trong quá trình thực hiện hoặc thanh toán một lần khi hoàn thành hợp đồng. Thời hạn thanh toán có thể quy định thanh toán ngay hoặc trong vòng không quá một số ngày nhất định kể từ khi Nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu. Đồng thời, cần quy định cụ thể về chứng từ thanh toán phù hợp với quy định của pháp luật].* |
| **ĐKC 18.1** | Mức bồi thường thiệt hại là *\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_[ghi cụ thể quy định về mức bồi thường thiệt hại tùy theo tính chất và yêu cầu của gói thầu].*  Tổng giá trị bồi thường thiệt hại tối đa là \_\_\_\_\_\_\_\_\_% giá hợp đồng *[ghi mức bồi thường thiệt hại tối đa].* |
| **ĐKC 18.2** | Tỷ lệ % dùng để tính tiền phạt thực hiện hợp đồng là \_\_\_\_\_*[ghi cụ thể tỷ lệ %].* |
| **ĐKC 20.1(c)** | Các nội dung khác về hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng: *\_\_\_\_\_\_\_\_\_[nêu cụ thể các nội dung khác (nếu có)]*. |
| **ĐKC 21.4** | Các trường hợp khác: *\_\_\_[nêu cụ thể các nội dung khác (nếu có)]*. |
| **ĐKC 22.1(d)** | Các hành vi khác: *\_\_\_\_[nêu hành vi khác (nếu có)].* |
| **ĐKC 23.1** | Chủ đầu tư thực hiện đánh giá chất lượng dịch vụ bảo hiểm theo nguyên tắc và cách thức như sau: *\_\_\_\_\_\_[nêu cụ thể nguyên tắc và cách thức]*  Thời hạn trách nhiệm đối với sai sót: *\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_[nêu cụ thể thời gian]*. |
| **ĐKC 24.2** | Thời gian Nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: *\_\_\_\_\_\_\_[ghi cụ thể thời gian là bao nhiêu ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu thay thế nhân sự của Chủ đầu tư]*. |

**Chương VII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG**

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà sau khi ghi thông tin hoàn chỉnh sẽ trở thành một phần của Hợp đồng.

Mẫu số 17. Thư chấp thuận HSĐX và trao hợp đồng

Mẫu số 18. Hợp đồng

Mẫu số 19. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng

**Mẫu số 17**

**THƯ CHẤP THUẬN HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG**

\_\_\_, ngày \_\_\_tháng \_\_\_năm \_\_\_

Kính gửi: *[ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu trúng thầu, sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”]*

Về việc: *Thông báo chấp thuận hồ sơ đề xuất và trao hợp đồng*

Căn cứ Quyết định số \_\_\_ngày \_\_\_tháng \_\_\_năm \_\_\_của Chủ đầu tư *[ghi tên Chủ đầu tư, sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”]* về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: *\_\_\_[ghi tên, số hiệu gói thầu]*, Bên mời thầu *[ghi tên Bên mời thầu, sau đây gọi tắt là “Bên mời thầu”]* xin thông báo Chủ đầu tư đã chấp thuận hồ sơ đề xuất và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu *[ghi tên, số hiệu gói thầu]* với giá hợp đồng là: *\_\_\_[ghi giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu]* với thời gian thực hiện hợp đồng là: *\_\_\_[ghi thời gian thực hiện hợp đồng trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu].*

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo kế hoạch như sau:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: *\_\_\_[ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng]*, tại địa điểm *[ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng]*;

- Thời gian ký kết hợp đồng: *\_\_\_[ghi thời gian ký kết hợp đồng]*; tại địa điểm *[ghi địa điểm ký kết hợp đồng]*, gửi kèm theo Dự thảo hợp đồng.

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu phải có văn bản chấp thuận đến hoàn thiện, ký kết hợp đồng, trong đó Nhà thầu phải cam kết năng lực hiện tại của Nhà thầu vẫn đáp ứng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày \_\_\_tháng \_\_\_năm \_\_\_ mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đại diện hợp pháp của Bên mời thầu** *[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]* |

Tài liệu đính kèm: Dự thảo hợp đồng

Ghi chú:

**Mẫu số 18**

**HỢP ĐỒNG([[1]](#footnote-1)1)**

\_\_\_, ngày \_\_\_tháng \_\_\_năm \_\_\_\_\_

Hợp đồng số: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Gói thầu: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*[ghi tên gói thầu]*

Thuộc dự án: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*[ghi tên dự án]*

- Căn cứ([[2]](#footnote-2)2) *\_\_\_(Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội);*

- Căn cứ(2) *\_\_\_(Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 của Quốc hội);*

- Căn cứ (2) *\_\_\_(Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu);*

- Căn cứ Quyết định số \_\_\_ngày \_\_\_tháng \_\_\_năm \_\_\_\_của \_\_\_về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu \_\_\_\_*[ghi tên gói thầu]* và thông báo chấp thuận HSĐX và trao hợp đồng số \_\_\_ngày \_\_\_tháng \_\_\_năm\_\_\_\_\_ của Bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng đã được Bên mời thầu và Nhà thầu trúng thầu ký ngày \_\_\_tháng \_\_\_năm \_\_\_;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

**Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)**

Tên Chủ đầu tư *[ghi tên Chủ đầu tư]*: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Fax: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

E-mail: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tài khoản: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Mã số thuế: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số \_\_\_\_\_ngày \_\_\_\_\_tháng \_\_\_\_\_năm \_\_\_\_\_ *(trường hợp được ủy quyền)*.

**Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)**

Tên Nhà thầu: \_\_\_\_\_*[ghi tên Nhà thầu trúng thầu]:*

Địa chỉ: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Fax: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

E-mail: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tài khoản: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Mã số thuế: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số \_\_\_ngày \_\_\_tháng \_\_\_năm \_\_\_ *(trường hợp được ủy quyền).*

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ với các nội dung sau:

**Điều 1. Đối tượng hợp đồng**

Đối tượng của hợp đồng là các dịch vụ được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

**Điều 2. Thành phần hợp đồng**

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;

2. Thư chấp thuận hồ sơ đề xuất và trao hợp đồng;

3. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

4. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;

5. Điều kiện cụ thể của hợp đồng;

6. Điều kiện chung của hợp đồng;

7. Hồ sơ đề xuất và các văn bản làm rõ hồ sơ đề xuất của Nhà thầu trúng thầu (nếu có);

8. Hồ sơ yêu cầu và các tài liệu sửa đổi hồ sơ yêu cầu (nếu có);

9. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

**Điều 3. Trách nhiệm của Bên A**

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng quy định tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định trong điều kiện cụ thể của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

**Điều 4. Trách nhiệm của Bên B**

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại dịch vụ như quy định tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

**Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán**

1. Giá hợp đồng: *\_\_\_[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng].*

2. Phương thức thanh toán: *\_\_\_[ghi phương thức thanh toán theo quy định tại Mục 16.1 ĐKCT].*

**Điều 6. Loại hợp đồng**

Loại hợp đồng: *[ghi loại hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 12 ĐKC]*

**Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng:** *\_\_\_[ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 10 ĐKC, HSĐX và kết quả thương thảo, hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên].*

**Điều 8. Hiệu lực hợp đồng**

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ *\_\_\_[ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng].*

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành \_\_\_bộ, Chủ đầu tư giữ \_\_\_bộ, Nhà thầu giữ \_\_\_bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU** *[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]* | **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ** *[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]* |

**PHỤ LỤC BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG**

(Kèm theo hợp đồng số \_\_\_\_, ngày \_\_\_tháng \_\_\_năm \_\_\_)

*Phụ lục này được lập trên cơ sở yêu cầu nêu trong HSYC, HSĐX và những thỏa thuận đã đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm giá (thành tiền) cho từng hạng mục, nội dung công việc. Giá (thành tiền) cho từng hạng mục, nội dung công việc đã bao gồm các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định*

**Mẫu số 19**

**BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG(1)**

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_tháng \_\_\_năm \_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_\_\_*[ghi tên Chủ đầu tư]*

(sau đây gọi là Chủ đầu tư)

Theo đề nghị của \_\_\_*[ghi tên Nhà thầu]* (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu đã trúng thầu gói thầu \_\_\_*[ghi tên gói thầu]* và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo hiểm cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng);(2)

Theo quy định trong HSYC *(hoặc hợp đồng)*, Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, \_\_\_*[ghi tên của ngân hàng]* ở \_\_\_*[ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ]* có trụ sở đăng ký tại \_\_\_*[ghi địa chỉ của ngân hàng(3)]* (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là *\_\_\_[ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 6.1* ***ĐKCT*** *của HSYC].* Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn \_\_\_*[ghi số tiền bảo lãnh]* như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến khi các bên hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đại diện hợp pháp của ngân hàng** *[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]* |

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc tổ chức tài chính.

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Bên mời thầu sẽ báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của \_\_\_\_*[ghi tên Nhà thầu]* (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu trúng thầu gói thầu \_\_\_*[ghi tên gói thầu]* đã ký hợp đồng số *\_\_\_[ghi số hợp đồng]* ngày \_\_\_tháng \_\_\_năm (sau đây gọi là Hợp đồng).”

(3) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

1. 1 *Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi thương thảo có sự khác biệt so với* ***ĐKCT****.* [↑](#footnote-ref-1)
2. 2 *Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.* [↑](#footnote-ref-2)